

Số: 1015/QĐ-ĐHCT

Cần Thơ, ngày 16 tháng 3 năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo và chương trình dạy học trình độ đại học ngành Luật kinh tế, mã ngành 7380107

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2021 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-HĐT ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Cần Thơ; Nghị quyết số 12/NQ-HĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 và Nghị quyết số 31/NQ-HĐT ngày 25 tháng 6 năm về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 29/NQ-HĐT ngày 19 tháng 5 năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 4799/QĐ-ĐHCT ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ của Trường Đại học Cần Thơ;

Căn cứ Quyết định số 802/QĐ-ĐHCT ngày 02 tháng 3 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc Ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật kinh tế, mã ngành 7380107;

Theo đề nghị của Trưởng khoa Luật và Trưởng phòng Đào tạo.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Bản mô tả chương trình đào tạo và chương trình dạy học trình độ đại học ngành Luật kinh tế, mã ngành 7380107 của Trường Đại học Cần Thơ.

**Điều 2.** Bản mô tả chương trình đào tạo và chương trình dạy học ban hành tại Điều 1 được áp dụng đối với các khóa tuyển sinh sau ngày 01 tháng 01 năm 2023 và áp dụng cho các hình thức đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Cần Thơ.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực từ ngày ký. Các ông/bà Trưởng Phòng: Đào tạo, Tài chính, Công tác sinh viên, Giám đốc Trung tâm Liên kết Đào tạo, Giám đốc Trung tâm Quản lý chất lượng, Trưởng khoa Luật, Trưởng các đơn vị, viên chức và sinh viên có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT.

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Trần Trung Tính

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ  
KHOA LUẬT  
BỘ MÔN LUẬT THƯƠNG MẠI**



**BẢN MÔ TẢ  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
VÀ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC  
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

**NGÀNH LUẬT KINH TẾ  
Mã số cấp IV: 7380107**

**Cần Thơ, tháng 3 năm 2023**





**BẢNG MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH DẠY  
HỌC TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH LUẬT KINH TẾ**

**I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Căn cứ Quyết định số 1015 /QĐ-ĐHCT ngày 16 tháng 3 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo và chương trình dạy học trình độ đại học ngành Luật kinh tế (mã ngành: 7380107) như sau:

**1. Thông tin chung về chương trình đào tạo**

Tên chương trình (tiếng Việt)	Luật kinh tế
Tên chương trình (tiếng Anh)	Economic Law
Mã số ngành đào tạo	7380107
Trường cấp bằng	Trường Đại học Cần Thơ
Tên gọi văn bằng	Cử nhân
Trình độ đào tạo	Đại học
Số tín chỉ yêu cầu	141 tín chỉ
Hình thức đào tạo	Chính quy
Thời gian đào tạo	4 năm
Đối tượng tuyển sinh	Người có bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương
Thang điểm đánh giá	Thang điểm 4
Điều kiện tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"><li>- Tích lũy đủ các học phần và số tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo; điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên (theo thang điểm 4);</li><li>- Hoàn thành các học phần điều kiện. Ngoài ra, điểm trung bình chung các học phần Giáo dục quốc phòng và An ninh phải đạt từ 5,0 trở lên (theo thang điểm 10);</li><li>- Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập trong năm học cuối.</li></ul>
Vị trí việc làm	<ul style="list-style-type: none"><li>- Chuyên viên về pháp luật kinh tế tại các tập đoàn, tổ chức kinh tế, các tổ chức tín dụng, các văn phòng, công ty trong lĩnh vực pháp luật, các cơ quan pháp luật, cơ quan tư pháp ở trung ương, các cơ quan nhà nước khác ở trung ương, các cơ quan nhà nước địa phương, tổ chức chính trị, chính trị xã hội;</li><li>- Thư ký, chuyên viên hành chính - nhân sự trong các tổ chức kinh tế;</li><li>- Nghiên cứu viên về pháp luật;</li><li>- Tư vấn viên về pháp luật;</li></ul>



	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hòa giải viên, Trọng tài viên, Quản tài viên, Trợ giúp viên pháp lý;</li> <li>- Các chức danh tư pháp (sau khi hoàn thành thêm các chứng chỉ theo từng ngành, nghề).</li> </ul>
Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đủ điều kiện học sau đại học (chương trình thạc sỹ) chuyên ngành luật trong nhóm ngành đúng, ngành gần theo quy định của Bộ giáo dục và đào tạo.</li> <li>- Đủ điều kiện học các chương trình đào tạo luật sư và các chức danh tư pháp.</li> </ul>
Tham khảo khi xây dựng chương trình đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương trình đào tạo hệ Đại học chuyên ngành Luật kinh tế được xây dựng theo hướng dẫn của các quy định hiện hành: Luật Giáo dục năm 2019, Luật Giáo dục đại học năm 2012 (sửa đổi năm 2018); Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sỹ, tiến sỹ; Khung Trình độ quốc gia Việt Nam năm 2016; Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 quy định về Chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học; Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học; Khung Năng lực ngoại ngữ Việt Nam; yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ đại học (Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT); Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản (Thông tư 03/2014/TT-BTTTT); Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học (Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016); Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cấp chương trình đào tạo của AUN-QA (phiên bản 2015, 2020); Đề án số 01-ĐA/ĐU ngày 18/11/2022 của Đảng Ủy Khoa Luật về Phát triển Khoa Luật đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045.</li> <li>- Đồng thời, dựa trên cơ sở tham khảo các chương trình đào tạo Đại học chuyên ngành Luật kinh tế của các trường Đại học trong nước như: Trường Đại học Thương mại; Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh; , Trường Đại học Vinh, và các trường Đại học nước ngoài như: Trường Đại học PADUA (Italia); Trường Đại học Innsbruck (Áo); Trường Đại học Kent (United Kingdom).</li> </ul>
Thông tin về đánh giá, kiểm định chương trình đào tạo	Trường Đại học Cần Thơ đã được chứng nhận đạt chất lượng cơ sở giáo dục giai đoạn 2018 – 2023.



## **2. Mục tiêu đào tạo của chương trình đào tạo**

### **2.1. Mục tiêu chung**

Chương trình đào tạo cử nhân Luật kinh tế của Khoa Luật – Trường Đại học Cần Thơ, với triết giáo dục “Rèn tâm thiện – Luyện trí minh”, nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, có kiến thức chuyên môn toàn diện, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực pháp lý, có kỹ năng thực hành nghề luật. Bên cạnh đó, Chương trình đào tạo trang bị cho người học có ý thức trách nhiệm công dân, có phẩm chất chính trị, đạo đức, có sức khoẻ, có năng lực tự chủ và trách nhiệm, năng lực điều hành hoạt động chuyên môn và thích ứng với thay đổi, có năng lực nghiên cứu khoa học, có khả năng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của vùng Đồng bằng Sông Cửu Long và của Việt Nam.

### **2.2. Mục tiêu cụ thể**

a. Trang bị cho người học kiến thức về khoa học xã hội, chính trị, quốc phòng an ninh, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và giáo dục thể chất.

b. Trang bị cho người học kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong trong lĩnh vực pháp luật kinh tế và liên quan.

c. Trang bị cho người học kỹ năng nghiên cứu và chuyên môn nhằm thực hiện tốt công việc và kỹ năng mềm cần thiết trong hoạt động nghề nghiệp, thích ứng với các môi trường làm việc khác nhau và đáp ứng nhu cầu làm việc trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

d. Rèn luyện cho người học có thái độ học tập suốt đời, có năng lực tự chủ và trách nhiệm, có ý thức tổ chức, kỷ luật, tư tưởng chính trị và có đạo đức nghề nghiệp tốt.

## **3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Hoàn thành chương trình đào tạo người học đạt được kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm như sau:

### **3.1. Kiến thức**

Hoàn thành chương trình đào tạo trình độ đại học, ngành Luật kinh tế, người học nắm vững các kiến thức, có những kỹ năng và thể hiện được mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân như sau:

#### **3.1.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương**

a. Vận dụng, liên kết được kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị, an ninh, quốc phòng, học thuyết pháp lý và quyền con người ứng dụng trong hoạt động kinh doanh.

b. Vận dụng hiệu quả kiến thức cơ bản về sáng tạo, khởi nghiệp, giáo dục thể chất và kỹ năng mềm hỗ trợ tốt cho công việc.

c. Vận dụng được kiến thức về công nghệ thông tin, ngoại ngữ tiếng Anh hoặc tiếng Pháp tương đương trình độ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam (B1 theo khung tham chiếu Châu Âu).

#### **3.1.2. Khối kiến thức cơ sở ngành**

a. Vận dụng tốt kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong hoạt động nghiên cứu, áp dụng pháp luật về kinh tế, quản lý và điều hành hoạt động chuyên môn pháp lý trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại.

b. Vận dụng hiệu quả kiến thức về nhà nước, pháp luật, hiến pháp, luật so sánh làm nền tảng để nghiên cứu, áp dụng kiến thức chuyên ngành luật kinh tế.

c. Áp dụng hiệu quả các kiến thức liên ngành thuộc các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

d. Vận dụng tốt thuật ngữ pháp lý tiếng Anh hoặc tiếng Pháp để tiếp cận hiệu quả kiến thức chuyên ngành và hệ thống pháp luật của các quốc gia trên thế giới.



### **3.1.3. Khối kiến thức chuyên ngành**

a. Vận dụng tốt kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong lĩnh vực pháp luật về nội dung có liên quan đến hoạt động kinh doanh, thương mại.

b. Áp dụng tốt kiến thức pháp luật về hình thức, giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại.

c. Vận dụng tốt kiến thức pháp luật quốc tế, pháp luật nước ngoài nhằm đáp ứng nhu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

d. Ứng dụng tốt kiến thức về soạn thảo văn bản, nghiệp vụ, thực hành và đạo đức nghề luật trong hoạt động pháp lý có liên quan đến kinh doanh, nghiên cứu và áp dụng pháp luật nhằm đề xuất, kiến nghị hoàn thiện pháp luật Việt Nam liên quan, phục vụ cho hoạt động kinh doanh, thương mại.

## **3.2. Kỹ năng**

### **3.2.1. Kỹ năng cứng**

a. Nghiên cứu, tìm giải pháp và giải quyết được các vấn đề pháp lý, sử dụng cơ sở dữ liệu để tìm kiếm, phân loại, sắp xếp các văn bản QPPL, án lệ phục vụ cho công việc của mình.

b. Kết hợp hiệu quả các kỹ năng thuyết trình, báo cáo chuyên đề, tư vấn phản biện về chuyên môn và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.

c. Vận dụng tốt các thuật ngữ pháp lý chuyên ngành bằng tiếng Anh hoặc tiếng Pháp phục vụ cho hoạt động nghề nghiệp, nghiên cứu trong lĩnh vực pháp luật liên quan đến kinh tế.

### **3.2.2. Kỹ năng mềm**

a. Truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; kỹ năng chuyển tải, phổ biến kiến thức chuyên môn.

b. Vận dụng tốt kỹ năng ngoại ngữ và công nghệ thông tin phục vụ cho hoạt động nghề nghiệp, nghiên cứu trong lĩnh vực pháp luật; thực hiện thuần thục kỹ năng soạn thảo các loại văn bản.

c. Làm việc nhóm, đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm; thực hiện nhiệm vụ cụ thể, dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.

## **3.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

a. Thể hiện rõ thái độ, khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

b. Sẵn sàng hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ; định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân; có tác phong hành nghề chuyên nghiệp, có ý thức kỷ luật và có đạo đức nghề nghiệp

c. Cho thấy khả năng tự định hướng, lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động, học tập suốt đời.

## **4. Tiêu chí tuyển sinh**

Căn cứ theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đề án tuyển sinh hằng năm của Trường Đại học Cần Thơ.



**5. Ma trận mối quan hệ mục tiêu, chuẩn đầu ra và học phần**

**5.1. Ma trận mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo**

Mục tiêu đào tạo (1)	Chuẩn đầu ra (2)												Thái độ/Năng lực tự chủ và trách nhiệm (2.3)			
	Kiến thức (2.1)				Kỹ năng (2.2)				Kỹ năng mềm (2.2.2)							
	Khối kiến thức giáo dục đại cương (2.1.1)		Khối kiến thức cơ sở ngành (2.1.2)		Khối kiến thức chuyên ngành (2.1.3)		Kỹ năng cứng (2.2.1)		Kỹ năng mềm (2.2.2)		Kỹ năng mềm (2.2.2)					
a	b	c	d	a	b	c	d	a	b	c	a	b	c	a	b	c
1.2a	X															
1.2b		X	X	X												
1.2c		X	X	X				X	X	X						
1.2d	X													X	X	X

**5.2. Ma trận mối quan hệ giữa các học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo**

TT	MSHP	Tên học phần	Chuẩn đầu ra (2)												Thái độ/Năng lực tự chủ và trách nhiệm (2.3)		
			Kiến thức (2.1)				Kỹ năng (2.2)				Kỹ năng mềm (2.2.2)						
			Khối kiến thức giáo dục đại cương (2.1.1)		Khối kiến thức cơ sở ngành (2.1.2)		Khối kiến thức chuyên ngành (2.1.3)		Kỹ năng cứng (2.2.1)		Kỹ năng mềm (2.2.2)		Kỹ năng mềm (2.2.2)				
a	b	c	d	a	b	c	d	a	b	c	a	b	c	a	b	c	
1	QP010E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	X												X	X	X
2	QP011E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	X												X	X	X
3	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	X												X	X	X
4	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	X												X	X	X
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)		X											X	X	X
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)			X										X	X	X
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)			X										X	X	X
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)			X										X	X	X
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)			X										X	X	X
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)			X										X	X	X
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)			X										X	X	X
12	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)			X										X	X	X
13	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)			X										X	X	X
14	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)			X										X	X	X
15	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)			X										X	X	X



Học phần		Chuẩn đầu ra (2)												Thái độ/Năng lực tự chủ và trách nhiệm (2.3)						
		Kiến thức (2.1)				Kỹ năng (2.2)				Kỹ năng cứng (2.2.1)					Kỹ năng mềm (2.2.2)					
		Khối kiến thức giáo dục đại cương (2.1.1)		Khối kiến thức cơ sở ngành (2.1.2)		Khối kiến thức chuyên ngành (2.1.3)		Kỹ năng cứng (2.2.1)		Kỹ năng mềm (2.2.2)		Kỹ năng cứng (2.2.1)			Kỹ năng mềm (2.2.2)					
TT	MSHP	Tên học phần	a	b	c	d	a	b	c	d	a	b	c	a	b	c	a	b	c	
16	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)		X											X	X		X	X	
17	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)		X											X	X		X	X	
18	TN033	Tin học căn bản (*)		X											X	X		X	X	
19	TN034	TT.Tin học căn bản (*)		X											X	X		X	X	
20	ML014	Triết học Mác - Lênin	X															X	X	
21	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	X															X	X	
22	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	X															X	X	
23	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	X															X	X	
24	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	X															X	X	
25	KL051	Quyền con người	X												X	X		X	X	
26	ML007	Logic học đại cương	X												X	X		X	X	
27	XH028	Xã hội học đại cương	X												X	X		X	X	
28	KN001	Kỹ năng mềm	X												X	X		X	X	
29	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	X												X	X		X	X	
30	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	X												X	X		X	X	
31	KL233E	Học thuyết pháp lý	X												X	X		X	X	
32	KL113E	Lịch sử Nhà nước và pháp luật	X												X	X		X	X	
<b>Khối kiến thức cơ sở ngành</b>																				
33	KL101	Lý luận Nhà nước và pháp luật 1													X	X		X	X	
34	KL102	Lý luận Nhà nước và pháp luật 2													X	X		X	X	
35	KL301	Luật hiến pháp 1													X	X		X	X	
36	KL302	Luật hiến pháp 2													X	X		X	X	
37	KL210	Pháp luật về quy hoạch và giải phóng mặt bằng													X	X		X	X	
38	KL105	Luật so sánh													X	X		X	X	
39	KL115	Phương pháp nghiên cứu khoa học – Luật													X	X		X	X	
40	KL127	Luật hành chính													X	X		X	X	
41	KL122	Luật hôn nhân và gia đình													X	X		X	X	
42	KL118	Luật hình sự phân chung													X	X		X	X	
43	KL119	Luật hình sự phân riêng													X	X		X	X	
44	KL371	Luật tố tụng hình sự													X	X		X	X	



Học phần		Chuẩn đầu ra (2)																		Thái độ/Năng lực tự chủ và trách nhiệm (2.3)								
		Kiến thức (2.1)						Kỹ năng (2.2)						Kỹ năng cứng (2.2.1)									Kỹ năng mềm (2.2.2)					
		Khối kiến thức giao dịch đại cương (2.1.1)			Khối kiến thức cơ sở ngành (2.1.2)			Khối kiến thức chuyên ngành (2.1.3)			Kỹ năng cứng (2.2.1)																	
TT	MSPH	Tên học phần	a	b	c	a	b	c	a	b	c	a	b	c	a	b	c	a	b	c	a	b	c					
45	KL231	Luật dân sự: Chủ thể, tài sản, quyền sở hữu và quyền thừa kế	X												X	X								X	X			
46	KL133	Luật dân sự: Nghĩa vụ dân sự			X																				X	X		
47	KL375	Công pháp quốc tế			X																				X	X		
48	KL327	Luật đất đai			X																				X	X		
49	KL213	Luật môi trường			X																				X	X		
50	KL116	Thuật ngữ pháp lý – Tiếng Anh							X																X	X		
51	KL117	Thuật ngữ pháp lý – Tiếng Pháp							X																X	X		
<b>Khối kiến thức chuyên ngành</b>																												
52	KL214	Pháp luật về thương nhân										X													X	X		
53	KL215	Luật thương mại										X													X	X		
54	KL230	Luật tố tụng thương mại và phá sản											X												X	X		
55	KL384	Luật về kinh doanh bất động sản										X													X	X		
56	KL331	Tư pháp quốc tế 1										X													X	X		
57	KL332	Tư pháp quốc tế 2										X													X	X		
58	KL232	Luật thương mại quốc tế tư																							X	X		
59	KL393	Pháp luật về đầu tư										X													X	X		
60	KL322	Luật lao động 1										X													X	X		
61	KL218	Luật lao động 2										X													X	X		
62	KL228	Luật ngân sách nhà nước										X													X	X		
63	KL219	Luật thuế										X													X	X		
64	KL388	Luật ngân hàng										X													X	X		
65	KL335	Pháp luật về sở hữu trí tuệ										X													X	X		
66	KL235	Pháp luật về cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng										X													X	X		
67	KL396	Pháp luật về thương mại điện tử										X													X	X		
68	KL374	Luật tố tụng dân sự											X												X	X		
69	KL391E	Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán											X												X	X		
70	KL392E	Pháp luật về hoạt động xuất nhập khẩu											X												X	X		
71	KL427	Pháp luật về hợp đồng trong thương mại											X												X	X		



Học phần		Chuẩn đầu ra (2)																	
		Kiến thức (2.1)						Kỹ năng (2.2)						Thái độ/Năng lực tự chủ và trách nhiệm (2.3)					
		Khối kiến thức giáo dục đại cương (2.1.1)		Khối kiến thức cơ sở ngành (2.1.2)		Khối kiến thức chuyên ngành (2.1.3)		Kỹ năng cứng (2.2.1)		Kỹ năng mềm (2.2.2)									
a	b	c	a	b	c	d	a	b	c	d	a	b	c	a	b	c	a	b	c
TT	MSHP	Tên học phần																	
72	KL428E	Pháp luật về kinh doanh bảo hiểm																	
73	KL406	Thực hành nghề luật																	
74	KL217	Luật thương mại quốc tế công																	
75	KL236	Pháp luật về khiếu nại và khiếu kiện																	
76	KL370	Luận văn tốt nghiệp – Luật																	
77	KL411	Tiểu luận tốt nghiệp – Luật																	
78	KL424	Luật thương mại chuyên sâu																	
79	KL344E	Bảo đảm nghĩa vụ																	
80	KL425E	Pháp luật về các hiệp định thương mại																	
81	KL431	Thực tập tốt nghiệp																	
82	KL395E	Luật thuế quốc tế																	
83	KL199	Kỹ thuật soạn thảo văn bản																	
84	KL234E	Pháp luật về kinh doanh dịch vụ Logistics																	
85	KL397	Nghịệp vụ tòa án																	
86	KL380E	Luật an sinh xã hội																	
87	KL221	Kỹ thuật soạn thảo hợp đồng thương mại																	
88	KL198	Đạo đức nghề Luật																	



## II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

Căn cứ Quyết định số 802 /QĐ-ĐHCT ngày 02 tháng 3 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, Chương trình dạy học ngành Luật kinh tế được mô tả như sau:

### 1. Cấu trúc chương trình dạy học

Khối lượng kiến thức toàn khóa: 141 tín chỉ ((Bắt buộc: 102 TC; Tự chọn: 39 TC)

Khối kiến thức giáo dục đại cương: 43 tín chỉ (Bắt buộc: 28 TC; Tự chọn: 19 TC)

Khối kiến thức cơ sở ngành: 40 tín chỉ (Bắt buộc: 38 TC; Tự chọn: 2 TC)

Khối kiến thức chuyên ngành: 58 tín chỉ (Bắt buộc: 40 TC; Tự chọn: 18 TC)

### 2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	HK thực hiện			
<b>Khối kiến thức Giáo dục đại cương</b>													
1	QP010E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		37	8	Bố trí theo nhóm ngành					
2	QP011E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		22	8	Bố trí theo nhóm ngành					
3	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	2	2		24	21	Bố trí theo nhóm ngành					
4	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	2	2		4	56	Bố trí theo nhóm ngành					
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	1+1+1		3		90			I,II,III			
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4	AV	10 AV hoặc PV	60				I,II,III			
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3			45			XH023		I,II,III		
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3			45			XH024		I,II,III		
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4			60			XH025		I,II,III		
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3			45			XH031		I,II,III		
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3			45			XH032		I,II,III		
12	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4			PV	10 AV hoặc PV	60				I,II,III	
13	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3					45			FL001		I,II,III
14	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3					45			FL002		I,II,III
15	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)	4					60			FL003		I,II,III
16	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3	45					FL007		I,II,III		
17	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)	3	45					FL008		I,II,III		
18	TN033	Tin học căn bản (*)	1	1	15							I,II,III	
19	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	2	2				60		TN033		I,II,III	
20	ML014	Triết học Mác - Lênin	3	3	45					I,II,III			
21	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	30		ML014			I,II,III			
22	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	30		ML016			I,II,III			
23	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	30		ML018			I,II,III			
24	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	30		ML019			I,II,III			
25	KL051	Quyền con người	2	2	30					I,II			
26	ML007	Logic học đại cương	2	6		30				I,II,III			
27	XH028	Xã hội học đại cương	2			30					I,II,III		
28	KN001	Kỹ năng mềm	2			20	20				I,II,III		
29	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30					I,II,III		
30	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			20	20				I,II,III		
31	KL233E	Học thuyết pháp lý	2			30					I,II		
32	KL113E	Lịch sử nhà nước và Pháp luật	2			30					I,II		
<b>Cộng: 43 TC (Bắt buộc 24 TC; Tự chọn: 19 TC)</b>													



<b>Khối kiến thức cơ sở ngành</b>									
33	KL101	Lý luận Nhà nước và pháp luật 1	2	2		30			I,II
34	KL102	Lý luận Nhà nước và pháp luật 2	2	2		30	KL101		I,II
35	KL301	Luật hiến pháp 1	2	2		30			I,II
36	KL302	Luật hiến pháp 2	2	2		30	KL301		I,II
37	KL210	Pháp luật về quy hoạch và giải phóng mặt bằng	2	2		30	KL327		I,II
38	KL105	Luật so sánh	2	2		30	KL102		I,II
39	KL115	Phương pháp nghiên cứu khoa học - Luật	2	2		30	KL102		I,II
40	KL127	Luật hành chính	3	3		45		KL102	I,II
41	KL122	Luật hôn nhân và gia đình	2	2		30	KL231		I,II
42	KL118	Luật hình sự phần chung	2	2		30			I,II
43	KL119	Luật hình sự phần riêng	2	2		30	KL118		I,II
44	KL371	Luật tố tụng hình sự	2	2		30	KL119		I,II
45	KL231	Luật dân sự: Chủ thể, tài sản, quyền sở hữu và quyền thừa kế	2	2		30			I,II
46	KL133	Luật dân sự: Nghĩa vụ dân sự	2	2		30	KL231		I,II
47	KL375	Công pháp quốc tế	3	3		45	KL302		I,II
48	KL327	Luật đất đai	3	3		45	KL302		I,II
49	KL213	Luật môi trường	3	3		45			I,II
50	KL116	Thuật ngữ pháp lý - Tiếng Anh	2		2	30	XH025		I,II
51	KL117	Thuật ngữ pháp lý - Tiếng Pháp	2			30	FL003		I,II

**Cộng: 40 TC (Bắt buộc: 38 TC; Tự chọn: 2 TC)**

<b>Khối kiến thức chuyên ngành</b>										
52	KL214	Pháp luật về thương nhân	3	3		45		KL231	I,II	
53	KL215	Luật thương mại	3	3		45	KL214		I,II	
54	KL230	Luật tố tụng thương mại và phá sản	3	3		45	KL215		I,II	
55	KL384	Luật về kinh doanh bất động sản	2	2		30	KL327	KL215	I,II	
56	KL331	Tư pháp quốc tế 1	2	2		30		KL231	I,II	
57	KL332	Tư pháp quốc tế 2	2	2		30	KL331		I,II	
58	KL232	Luật thương mại quốc tế tư	3	3		45	KL331		I,II	
59	KL393	Pháp luật về đầu tư	2	2		30	KL214		I,II	
60	KL322	Luật lao động 1	2	2		30			I,II	
61	KL218	Luật lao động 2	2	2		30	KL322		I,II	
62	KL228	Luật ngân sách nhà nước	2	2		30	KL302, KL127		I,II	
63	KL219	Luật thuế	3	3		45	KL214, KL228		I,II	
64	KL388	Luật ngân hàng	2	2		30	KL214		I,II	
65	KL335	Pháp luật về sở hữu trí tuệ	2	2		30	KL302		I,II	
66	KL235	Pháp luật về cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	3	3		45	KL215		I,II	
67	KL396	Pháp luật về thương mại điện tử	2	2		30	KL215		I,II	
68	KL374	Luật tố tụng dân sự	2	2		30	KL133		I,II	
69	KL391E	Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán	2		8	30		KL214	I,II	
70	KL392E	Pháp luật về hoạt động xuất nhập khẩu	2			30	KL215		I,II	
71	KL427	Pháp luật về hợp đồng trong thương mại	2			30		KL215	I,II	
72	KL428E	Pháp luật về kinh doanh bảo hiểm	2			30		KL215	I,II	
73	KL406	Thực hành nghề Luật	2			12	36	≥ 70 TC		I,II,III
74	KL217	Luật thương mại quốc tế công	2			30	KL375		I,II	
75	KL236	Pháp luật về khiếu nại và khiếu kiện	2			30	KL127		I,II	
76	KL221	Kỹ thuật soạn thảo hợp đồng thương mại	2			30	KL215	KL427	I,II	
77	KL370	Luận văn tốt nghiệp - Luật	10		10	300	≥ 105 TC		I,II	
78	KL411	Tiểu luận tốt nghiệp - Luật	4			120	≥ 105 TC		I,II	
79	KL424	Luật thương mại chuyên sâu	4			60	KL230		I,II	



80	KL344E	Bảo đảm nghĩa vụ	2			30		KL302		I,II
81	KL425E	Pháp luật về các hiệp định thương mại	2			30		KL217		I,II
82	KL431	Thực tập tốt nghiệp (**)	2				60	≥105 TC	KL411	I,II
83	KL395E	Luật thuế quốc tế	2			30		KL219		I,II
84	KL199	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2			30				I,II
85	KL234E	Pháp luật về kinh doanh dịch vụ Logistics	2			30		KL215		I,II
86	KL397	Nghiệp vụ toà án	2			15	30	≥105 TC		I,II
87	KL380E	Luật an sinh xã hội	2			30				I, II
88	KL198	Đạo đức nghề luật	2			16	28			I, II
<b>Cộng: 58 TC (Bắt buộc: 40 TC; Tự chọn: 18 TC)</b>										
<b>Tổng cộng: 141 TC (Bắt buộc: 102 TC; Tự chọn: 39 TC)</b>										

### 3. Kế hoạch dạy học

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Tiết LT	Tiết TH	HP tiên quyết	Song hành
<b>Năm thứ nhất - Học kỳ I</b>									
1	QP010E	Giáo dục Quốc phòng và An ninh 1	2	2		37	8	Bố trí theo nhóm ngành	
2	QP011E	Giáo dục Quốc phòng và An ninh 2	2	2		22	8	Bố trí theo nhóm ngành	
3	QP012	Giáo dục Quốc phòng và An ninh 3	2	2		14	16	Bố trí theo nhóm ngành	
4	QP013	Giáo dục Quốc phòng và An ninh 4	2	2		4	56	Bố trí theo nhóm ngành	
5	KL101	Lý luận nhà nước & pháp luật 1	2	2		30			
6	TN033	Tin học căn bản	1	1		15			
7	TN034	TT. Tin học căn bản	2	2			60		TN033
		<b>Cộng</b>	<b>13</b>	<b>13</b>	<b>0</b>				
<b>Năm thứ nhất - Học kỳ II</b>									
1	ML014	Triết học Mác - Lênin	3	3		45			
2	KL102	Lý luận nhà nước & pháp luật 2	2	2		30		KL101	
3	KL301	Luật hiến pháp 1	2	2		30			
4	KL051	Quyền con người	2	2		30			
5	KL231	Luật dân sự: Chủ thể, tài sản, quyền sở hữu và quyền thừa kế	2	2		30			
6	KL118	Luật hình sự phần chung	2	2		30			
7	ML007	Logic học đại cương	2			30			
8	XH028	Xã hội học đại cương	2			30			
9	KN001	Kỹ năng mềm	2			20	20		
10	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2		2	30			SV tự chọn
11	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			20	20		
12	KL113E	Lịch sử nhà nước và pháp luật	2			30			
13	KL233E	Học thuyết pháp lý	2			30			
14	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4			60			
15	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4			60			SV tự chọn
16	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4			60			
17	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)	4			60			
		<b>Cộng</b>	<b>19</b>	<b>13</b>	<b>6</b>				
<b>Năm thứ hai - Học kỳ I</b>									
1	KL214	Pháp luật về thương nhân	3	3		45			KL231
2	KL119	Luật hình sự phần riêng	2	2		30		KL118	
3	KL133	Luật dân sự: Nghĩa vụ dân sự	2	2		30		KL231	
4	KL122	Luật hôn nhân & gia đình	2	2		30		KL231	
5	KL322	Luật lao động 1	2	2		30			
6	KL302	Luật hiến pháp 2	2	2		30		KL301	



TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Tiết LT	Tiết TH	HP tiên quyết	Song hành
7	KL127	Luật hành chính	3	3		45			KL102
8	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		30		ML014	
9	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		ML016	
		<b>Cộng</b>	<b>20</b>	<b>20</b>	<b>0</b>				
<b>Năm thứ hai - Học kỳ II</b>									
1	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3		3	45		XH023	
2	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3			45		XH031	
3	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3			45		FL001	
4	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3			45		FL007	
5	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30		ML018	
6	KL215	Luật thương mại	3	3		45		KL214	
7	KL371	Luật tố tụng hình sự	2	2		30		KL119	
8	KL374	Luật tố tụng dân sự	2	2		30		KL133	
9	KL375	Công pháp quốc tế	3	3		30		KL302	
10	KL218	Luật lao động 2	2	2		30		KL322	
11	TC100	Giáo dục thể chất 1 (*)	1		1		30		
12	ML007	Logic học đại cương	2		2	30			
13	XH028	Xã hội học đại cương	2			30			
14	KN001	Kỹ năng mềm	2			30			
15	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30			
16	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			30			
17	KL113E	Lịch sử nhà nước và pháp luật	2			30			
18	KL233E	Học thuyết pháp lý	2		30				
		<b>Cộng</b>	<b>20</b>	<b>14</b>	<b>6</b>				
<b>Năm thứ ba - Học kỳ I</b>									
1	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3		3	45		XH024	
2	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3			45		XH032	
3	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3			45		FL002	
4	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)	3			45		FL008	
5	KL230	Luật tố tụng thương mại và phá sản	3	3		45		KL215	
6	KL331	Tư pháp quốc tế 1	2	2		30			KL231
7	KL228	Luật ngân sách nhà nước	2	2		30		KL302, KL127	
8	TC100	Giáo dục thể chất 2 (*)	1		1		30		
9	KL327	Luật đất đai	3	3		45		KL302	
10	KL391E	Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán	2		4	30			KL214
11	KL392E	Pháp luật về hoạt động xuất nhập khẩu	2			30		KL215	
12	KL427	Pháp luật về hợp đồng trong thương mại	2			30			KL215
13	KL428E	Pháp luật về kinh doanh bảo hiểm	2			30			KL215
15	KL406	Thực hành nghề Luật	2			12	36	≥70 TC	
16	KL236	Pháp luật về khiếu nại và khiếu kiện	2			30		KL127	
17	KL221	Kỹ thuật soạn thảo hợp đồng thương mại	2		30		KL327		
18	KL217	Luật thương mại quốc tế công	2		30		KL375		
19	ML007	Logic học đại cương	2		2	30			
20	XH028	Xã hội học đại cương	2			30			
21	KN001	Kỹ năng mềm	2			30			
22	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30			



TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Tiết LT	Tiết TH	HP tiên quyết	Song hành
23	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			30			
24	KL233E	Học thuyết pháp lý	2			30			
25	KL113E	Lịch sử nhà nước và pháp luật	2			30			
		<b>Cộng</b>	<b>20</b>	<b>10</b>	<b>10</b>				
<b>Năm thứ ba - Học kỳ II</b>									
1	TC100	Giáo dục thể chất 3 (*)	1		1		30		
2	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML019	
3	KL332	Tư pháp quốc tế 2	2	2		30		KL331	
4	KL219	Luật thuế	3	3		45		KL214, KL228	
5	KL213	Luật môi trường	3	3		45			
6	KL210	Pháp luật về quy hoạch và giải phóng mặt bằng	2	2		30		KL327	
7	KL388	Luật ngân hàng	2	2		30		KL214	
8	KL391E	Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán	2			30			KL214
9	KL392E	Pháp luật về hoạt động xuất nhập khẩu	2			30		KL215	
10	KL427	Pháp luật về hợp đồng trong thương mại	2			30			KL215
11	KL428E	Pháp luật về kinh doanh bảo hiểm	2		4	30			KL215
12	KL406	Thực hành nghề Luật	2			12	36	≥70 TC	
13	KL236	Pháp luật về khiếu nại và khiếu kiện	2			30		KL127	
14	KL221	Kỹ thuật soạn thảo hợp đồng thương mại	2			30		KL327	
15	KL217	Luật thương mại quốc tế công	2			30		KL375	
		<b>Cộng</b>	<b>19</b>	<b>14</b>	<b>5</b>				
<b>Năm thứ tư - Học kỳ I</b>									
1	KL105	Luật so sánh	2	2		30		KL102	
2	KL116	Thuật ngữ pháp lý - Tiếng Anh	2		2	30		XH025	
3	KL117	Thuật ngữ pháp lý - Tiếng Pháp	2			30		FL003	
4	KL393	Pháp luật về đầu tư	2	2		30		KL214	
5	KL396	Pháp luật về thương mại điện tử	2	2		30		KL215	
6	KL384	Luật về kinh doanh bất động sản	2	2		30		KL327	
7	KL232	Luật thương mại quốc tế tư	3	3		45		KL331	
8	KL335	Pháp luật về sở hữu trí tuệ	2	2		30		KL302	
9	KL235	Pháp luật về cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	3	3		45		KL215	
10	KL115	Phương pháp nghiên cứu khoa học - Luật	2	2		30		KL102	
		<b>Cộng</b>	<b>20</b>	<b>18</b>	<b>2</b>				
<b>Năm thứ tư - Học kỳ II</b>									
1	KL370	Luận văn tốt nghiệp - Luật	10				300	≥105 TC	
2	KL411	Tiểu luận tốt nghiệp - Luật	4				120	≥105 TC	
3	KL431	Thực tập tốt nghiệp (**)	2				60	≥105 TC	
4	KL424	Luật thương mại chuyên sâu	2			30			
5	KL344E	Bảo đảm nghĩa vụ	2			30			
6	KL425E	Pháp luật về các hiệp định thương mại	2		10	30			
7	KL395E	Luật thuế quốc tế	2			30			
8	KL199	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2			30			



TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Tiết LT	Tiết TH	HP tiên quyết	Song hành
9	KL234E	Pháp luật về kinh doanh dịch vụ Logistics	2			30			
10	KL397	Nghiệp vụ toà án	2			15	30	≥105 TC	
11	KL38E	Luật an sinh xã hội	2			30			
12	KL198	Đạo đức nghề luật	2			16	28		
		<b>Cộng</b>	<b>10</b>		<b>10</b>				
			<b>141</b>	<b>102</b>	<b>39</b>				

#### 4. Mô tả tóm tắt các học phần

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
1	QP010E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	Đề cập lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quân sự, bao gồm: những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh. Dành thời lượng nhất định giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ. Xây dựng, bảo vệ chủ quyền biên giới, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia và đảm bảo trật tự an toàn xã hội.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
2	QP011E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	Được lựa chọn những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng và an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, đánh bại chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Học phần đề cập một số vấn đề về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự an toàn xã hội, đấu tranh phòng chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
3	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	2	Lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học một số kiến thức cơ bản về chế độ sinh hoạt, nề nếp chính qui, kỹ năng cơ bản thực hành các động tác Điều lệnh đội ngũ và các kỹ năng quân sự cần thiết, hiểu biết kiến thức cơ bản về bản đồ, địa hình quân sự, phòng chống địch tiến công bằng vũ khí công nghệ cao, rèn luyện sức khỏe qua các nội dung quân sự	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
4	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	2	Lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học một số kỹ năng cơ bản thực hành kỹ thuật bắn súng tiêu liên AK, rèn luyện kỹ năng sử dụng lựu đạn trong chiến đấu, kỹ năng thực hành chiến đấu trong tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác, cảnh giới.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	3	Học phần Giáo dục Thể chất không chuyên 1+2+3 là học phần chung tượng trưng cho các học phần Giáo dục Thể chất	Bộ môn Giáo dục



TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				sinh viên không chuyên ngành Giáo dục Thể chất phải học để hoàn thành chương trình đào tạo của ngành mình. Để hoàn thành học phần Giáo dục thể chất sinh viên không đăng kí học phần TC100 mà thay vào đó sinh viên phải đăng kí vào từng học phần cụ thể tùy theo khả năng và nhu cầu muốn học như: Học phần Taekwondo thì sinh viên đăng kí 03 học phần: Taekwondo 1(TC003), Taekwondo 2(TC004), Taekwondo 3,(TC019), các học phần Giáo dục Thể chất khác cũng tương tự...	Thể chất
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4	Chương trình môn Tiếng Anh căn bản 1 cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh thông dụng trong giao tiếp căn bản, tập trung vào các mảng đề tài như giới thiệu về những thông tin cá nhân, gia đình, nơi ở, những vật dụng trong đời sống hàng ngày, các môn thể thao, các hoạt động trong thời gian rảnh và mua sắm cơ bản. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp một số tình huống giao tiếp căn bản bằng tiếng Anh về các chủ đề này, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ A2 cho sinh viên theo khung 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3	Chương trình môn Tiếng Anh căn bản 2 cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh thông dụng trong giao tiếp căn bản, tập trung vào các mảng đề tài như giới thiệu về miền quê, thành phố các em yêu thích, ẩm thực, du lịch, thời trang, tiền bạc. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp một số tình huống giao tiếp căn bản bằng tiếng Anh về các chủ đề này, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ A2 cho sinh viên theo khung 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3	Chương trình môn Tiếng Anh căn bản 3 cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh thông dụng trong giao tiếp căn bản, tập trung vào các mảng đề tài như giới thiệu về các thể loại phim ảnh, khoa học công nghệ, du lịch và môi trường tự nhiên. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp một số tình huống giao tiếp căn bản bằng tiếng Anh về các chủ đề này, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ A2 cho sinh viên theo khung 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4	Học phần Tiếng Anh tăng cường 1 (trong chương trình Tiếng Anh tăng cường 1-3) cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Anh và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế với các tình huống thông dụng. Chương trình thể hiện các nguyên tắc và đặc điểm: (1) hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn (competency-based learning); (2) phương pháp kết hợp (integrated and blended learning); (3) thúc đẩy tự học (promoting learner independence in learning); (4) thông qua tương tác và thực hành (learning by interaction and by doing); (5) học tập có ý nghĩa (purposeful learning); và (6) tính mềm dẻo (flexibility). Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ B1 (bậc 3) trong hệ thống năng lực ngoại ngữ theo khung năng lực dành cho Việt	Khoa Ngoại ngữ



TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				Nam (qua kỳ thi VSTEP).	
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3	Học phần Tiếng Anh tăng cường 2 (trong chương trình Tiếng Anh tăng cường 1-3) cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Anh và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế với các tình huống thông dụng. Chương trình thể hiện các nguyên tắc và đặc điểm: (1) hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn (competency-based learning); (2) phương pháp kết hợp (integrated and blended learning); (3) thúc đẩy tự học (promoting learner independence in learning); (4) thông qua tương tác và thực hành (learning by interaction and by doing); (5) học tập có ý nghĩa (purposeful learning); và (6) tính mềm dẻo (flexibility). Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ B1 (bậc 3) trong hệ thống năng lực ngoại ngữ theo khung năng lực dành cho Việt Nam (qua kỳ thi VSTEP).	Khoa Ngoại ngữ
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3	Học phần Tiếng Anh tăng cường 3 (trong chương trình Tiếng Anh tăng cường 1-3) cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Anh và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế với các tình huống thông dụng. Chương trình thể hiện các nguyên tắc và đặc điểm: (1) hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn (competency-based learning); (2) phương pháp kết hợp (integrated and blended learning); (3) thúc đẩy tự học (promoting learner independence in learning); (4) thông qua tương tác và thực hành (learning by interaction and by doing); (5) học tập có ý nghĩa (purposeful learning); và (6) tính mềm dẻo (flexibility). Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ B1 (bậc 3) trong hệ thống năng lực ngoại ngữ theo khung năng lực dành cho Việt Nam (qua kỳ thi VSTEP).	Khoa Ngoại ngữ
12	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4	Nội dung học phần hướng đến mục tiêu giao tiếp trong đời sống hằng ngày, như giới thiệu bản thân, gia đình, nói về thói quen, sở thích, làm quen và giới thiệu một người nào đó, nói và viết về giờ theo cách thông dụng và hành chính... Ngoài ra, các kiến thức về ngôn ngữ, về văn hoá Pháp cũng được lồng ghép vào nội dung chương trình học. Qua học phần này, sinh viên sẽ được làm quen với cách phát âm, ngữ điệu, bảng mẫu tự của tiếng Pháp, biết cách chia động từ nhóm I, nhóm II và một số động từ nhóm III ở thời hiện tại, viết một số câu đơn giản	Khoa Ngoại ngữ
13	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3	Học phần tiếp tục trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Ngữ pháp, Ngữ âm, Từ vựng... của tiếng Pháp. Nội dung học phần hướng đến mục tiêu giao tiếp trong đời sống hằng ngày như hỏi thông tin, giải thích, nhận lời mời hay từ chối, nói về ngày làm việc của mình, nói về kế hoạch tương lai... Sinh viên được làm quen với cách hỏi, đặt câu hỏi với các đại từ phức tạp hơn của tiếng Pháp, biết chia động từ nhóm I, nhóm II và một số động từ nhóm III ở thức mệnh lệnh, biết chỉ đường, định vị trong không gian,... Ngoài ra, các kiến thức	Khoa Ngoại ngữ



TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				về ngôn ngữ, về văn hoá Pháp cũng được lồng ghép vào nội dung chương trình học.	
14	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3	Nội dung học phần tiếp tục hướng đến mục tiêu giao tiếp trong đời sống hằng ngày như bàn về các ngày lễ, tết, ẩm thực, miêu tả người, đồ vật, quần áo, diễn đạt sự lựa chọn, số lượng, giới thiệu các thành viên trong gia đình, kể lại một câu chuyện quá khứ,... Trong học phần này, sinh viên được làm quen với các bài khoá từ 100 từ trở lên, các bài hội thoại dài hơn, viết các đoạn văn khoảng 100 từ, viết thư. Sinh viên có thể vận dụng những kiến thức về ngữ pháp vào bài viết của mình như phối hợp giống số danh từ, tính từ, chia các động từ ở thời quá khứ, phối hợp các thì ở thời quá khứ,... Sau khi học xong học phần, sinh viên cũng sẽ biết cách giải thích, biện luận đơn giản.	Khoa Ngoại ngữ
15	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)	4	Nội dung học phần tiếp tục hướng đến mục tiêu giao tiếp trong đời sống hằng ngày như giới thiệu các thành viên trong gia đình; làm quen với một người; kể lại những hoạt động thường ngày; miêu tả người, nơi ở; so sánh về số lượng hoặc chất lượng;... Ngoài ra, các kiến thức về ngôn ngữ, về văn hoá Pháp cũng được lồng ghép vào nội dung chương trình học.	Khoa Ngoại ngữ
16	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3	Học phần Pháp văn căn bản 5 cung cấp cho sinh viên một lượng nội dung kiến thức phong phú, đa dạng về từ vựng, cấu trúc ngữ pháp nhằm giúp sinh viên phát triển một cách toàn diện bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết liên quan đến sáu chủ đề chính về thói quen ăn uống, thể thao, việc làm, giáo dục, giao tiếp và giải trí.	Khoa Ngoại ngữ
17	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)	3	Học phần Pháp văn căn bản 6 sẽ cung cấp cho sinh viên một lượng nội dung kiến thức phong phú, đa dạng về từ vựng, cấu trúc ngữ pháp nhằm giúp sinh viên phát triển một cách toàn diện bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết liên quan đến sáu chủ đề chính về diễn đạt quan điểm khi nói, nói về những kỉ niệm, những chuyến du lịch, về thói quen, động lực cá nhân, tường thuật lại lời nói của người khác.	Khoa Ngoại ngữ
18	TN033	Tin học căn bản (*)	1	Môn học này cung cấp cho sinh viên những hiểu biết lý thuyết cơ bản về công nghệ thông tin: khái niệm về thông tin, cấu trúc tổng quát của máy tính, hệ điều hành Windows, các lệnh và thao tác để soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word, xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel, trình bày báo cáo bằng Microsoft Powerpoint, sử dụng Internet và E-mail.	Khoa Khoa học Tự nhiên
19	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	2	Bằng cách thông qua thực hành trên máy tính, sinh viên được rèn luyện các kỹ năng: Sử dụng hệ điều hành Windows, soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word, xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel, trình bày báo cáo bằng Microsoft Powerpoint, sử dụng Internet và E-mail. Trong phần thực hành cũng lồng ghép các kỹ năng viết báo cáo khoa học, kỹ năng soạn các bản trình bày trên các máy chiếu đa phương tiện.	Khoa Khoa học Tự nhiên
20	ML014	Triết học Mác – Lênin	3	Trong học phần này, sinh viên sẽ được cung cấp những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về triết học Mác – Lênin bao gồm: Triết học vào vai trò của triết học trong đời sống xã hội, Triết học Mác – Lênin và vai trò của Triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội; Chủ nghĩa duy vật biện chứng: vật chất	Khoa Khoa học Chính trị



TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				và ý thức, phép biện chứng duy vật và lý luận nhận thức; Chủ nghĩa duy vật lịch sử: Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp và dân tộc, Nhà nước và cách mạng xã hội, ý thức xã hội, triết học về con người.	
21	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Trong học phần này, sinh viên sẽ được cung cấp những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về kinh tế chính trị Mác - Lênin bao gồm; Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác - Lênin; Hàng hoá, thị trường và vai trò của các chủ thể khi tham gia thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam.	Khoa Khoa học Chính trị
22	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Trong học phần này sinh viên sẽ nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về chủ nghĩa xã hội và thực tiễn trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay. Nội dung chủ yếu của học phần tập trung vào một số vấn đề như: sự ra đời và phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; liên minh giai cấp, tầng lớp; vấn đề dân tộc, tôn giáo; vấn đề về gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.	Khoa Khoa học Chính trị
23	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930); quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945- 1975); lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.	Khoa Khoa học Chính trị
24	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Cùng với môn học Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, môn Tư tưởng Hồ Chí Minh tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và cách mạng nước ta, tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin, góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới. Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 7 chương; chương 1 trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học, cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh.	Khoa Khoa học Chính trị
25	KL051	Quyền con người	2	Nội dung của học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về quyền con người như khái niệm, nguồn gốc, tính chất, đặc điểm, phân loại quyền con người; các quyền con người trong các lĩnh vực dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa và quyền của một số nhóm người dễ bị tổn thương được quy	Khoa luật



TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				định trong luật pháp quốc tế; giới thiệu về hệ thống pháp luật quốc tế cũng như các cơ chế quốc tế và khu vực trong việc đảm bảo và thúc đẩy quyền con người. Đồng thời, học phần cung cấp các thông tin về quan điểm, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước Việt Nam về quyền con người cũng như cơ chế bảo vệ và thúc đẩy quyền con người ở Việt Nam.	
26	ML007	Logic học đại cương	2	Học phần trang bị những tri thức của logic hình thức. Cung cấp những quy tắc và các yêu cầu của các quy luật cơ bản của tư duy như: Quy luật đồng nhất; Quy luật phi mâu thuẫn; Quy luật gạt bỏ cái thứ ba; Quy luật lý do đầy đủ. Và những hình thức cơ bản của tư duy như: Khái niệm; Phán đoán; Suy luận; Giả thuyết; Chứng minh; Bác bỏ và Ngụy biện.	Khoa Khoa học Chính trị
27	XH028	Xã hội học đại cương	2	Môn học nghiên cứu qui luật, tính qui luật của sự hình thành, vận động biến đổi mối quan hệ, tương tác qua lại giữa con người và xã hội. Đối tượng nghiên cứu của Xã hội học là các quan hệ xã hội, tương tác xã hội biểu hiện qua các hành vi giữa người với người trong các nhóm, các tổ chức, các hệ thống xã hội.	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
28	KN001	Kỹ năng mềm	2	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản và hướng dẫn rèn luyện các kỹ năng cần thiết cho người học: kỹ năng giao tiếp, các nguyên lý chung về giao tiếp; các kỹ năng lắng nghe, nói và thuyết trình hiệu quả; kỹ năng làm việc nhóm đảm bảo sự hợp tác tốt trong học tập và làm việc; kỹ năng tư duy sáng tạo; kỹ năng quản lý thời gian và kỹ năng quản lý cảm xúc.	Trung tâm Tư vấn, Hỗ trợ và Khởi nghiệp sinh viên
29	XH011E	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	Nội dung học phần bao gồm những kiến thức chung về văn hóa học và văn hóa Việt Nam, về hệ thống các thành tố, những đặc trưng và quy luật phát triển của văn hóa Việt Nam, các vùng văn hóa Việt Nam; phương pháp tiếp cận tìm hiểu và nghiên cứu những vấn đề của văn hóa Việt Nam; rèn kỹ năng vận dụng kiến thức văn hóa học vào phân tích ngôn ngữ và tác phẩm văn học.	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
30	NN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2	Nội dung của môn học tập trung vào những kiến thức tổng quan về sáng tạo, đổi mới và hình thành ý tưởng khởi nghiệp, lựa chọn loại hình sở hữu doanh nghiệp, hiểu biết cơ bản về quyền sở hữu trí tuệ. Thêm vào đó, sinh viên còn được cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản về thị trường như đánh giá thể mạnh, cơ hội, đe dọa, rủi ro thương mại hóa sản phẩm từ ý tưởng kinh doanh, phát hiện tiềm năng kinh doanh và lập kế hoạch khởi nghiệp. Quan trọng hơn, sinh viên có cơ hội được chia sẻ kinh nghiệm khởi nghiệp từ các doanh nhân thành đạt và/hoặc tham quan mô hình khởi nghiệp thành công.	Trung tâm Tư vấn, Hỗ trợ và Khởi nghiệp sinh viên
31	KL233E	Học thuyết pháp lý	2	Nội dung môn học giới thiệu cho người học các vấn đề cơ bản liên quan đến học thuyết pháp lý như khái niệm học thuyết pháp lý, vai trò của học thuyết pháp lý trong nghiên cứu luật học, các học thuyết cơ bản qua các thời kỳ và sự ảnh hưởng của học thuyết pháp lý đến pháp luật qua các thời kỳ. Bên cạnh đó, học phần cung cấp cho người học kiến thức về các học thuyết pháp lý chính yếu, nguồn gốc hình thành, quá trình phát triển và thay thế của các học thuyết, tập trung phân tích nội dung và tư tưởng tiến bộ của các học thuyết.	Khoa Luật
32	KL113E	Lịch sử nhà nước và pháp	2	Môn học lịch sử Nhà nước và pháp luật là môn học nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức lịch sử cơ bản về yếu tố thúc	Khoa Luật



TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
		luật		đẩy Nhà nước và pháp luật đầu tiên của Việt Nam ra đời, đặc điểm về cách tổ chức bộ máy nhà nước và hệ thống pháp luật qua các giai đoạn. Môn học cung cấp cho sinh viên những đặc thù về nhà nước và pháp luật Việt Nam ở mỗi thời kỳ lịch sử. Qua đó, vừa giúp sinh viên hiểu sâu sắc về lịch sử dân tộc, về hoạt động chính trị và pháp quyền ở Việt Nam, để từ đó rút ra những bài học bổ ích cho bản thân về lịch sử đấu tranh giành lại độc lập, chủ quyền cho của dân tộc Việt Nam.	
33	KKL101	Lý luận nhà nước và pháp luật 1	2	Học phần giới thiệu nguồn gốc hình thành của nhà nước và pháp luật, tập trung phân tích quá trình hình thành nhà nước và pháp luật trên cơ sở chủ nghĩa Mác-Lênin. Học phần cung cấp kiến thức lý luận cơ bản về bản chất, chức năng, hình thức của nhà nước và pháp luật. Giới thiệu các hình thức pháp luật, phân tích ưu, nhược điểm của các hình thức pháp luật. Học phần giới thiệu quá trình hình thành, phát triển, thay thế các kiểu nhà nước và pháp luật, giới thiệu bản chất, chức năng, đặc điểm và hình thức của nhà nước và pháp luật chủ nô, phong kiến, tư sản và xã hội chủ nghĩa. Học phần giới thiệu khái quát về bộ máy nhà nước Việt Nam, nguyên tắc tổ chức, hoạt động của bộ máy nhà nước và vai trò của nhà nước trong hệ thống chính trị.	Khoa Luật
34	KL102	Lý luận nhà nước và pháp luật 2	2	Học phần giới thiệu các kiến thức liên quan đến các thuật ngữ pháp lý cơ bản như quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, vi phạm pháp luật, ngành luật, chế định pháp luật, pháp chế, trách nhiệm pháp lý... Trong từng khái niệm cụ thể sẽ đi sâu phân tích cấu thành, phân loại, phân biệt giữa các khái niệm liên quan như phân biệt văn bản quy phạm pháp luật với văn bản áp dụng pháp luật, phân biệt hệ thống pháp luật và hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.	Khoa Luật
35	KL301	Luật hiến pháp 1	2	Nội dung môn học bao gồm các vấn đề cơ bản, chung nhất về ngành Luật Hiến pháp. Tìm hiểu Hiến pháp Việt Nam qua các thời kỳ với các nội dung chi tiết về hoàn cảnh ra đời, bộ cục, những nội dung về Hiến pháp Việt Nam năm 1946, 1959, 1980, 1992, 2013. Ngoài ra sinh viên còn có thể có thêm những kiến thức về các vấn đề quan trọng của ngành Luật Hiến pháp như hiểu rõ về chế độ chính trị, chế độ kinh tế, khoa học kỹ thuật, văn hoá, giáo dục, đơn vị hành chính lãnh thổ... Các vấn đề cơ bản về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân như phân biệt quyền con người, quyền công dân, các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân được ghi nhận trong Hiến pháp. Các nội dung cơ bản về quốc tịch như quốc tịch của trẻ em, nhập, trở lại, thôi, tước, hủy bỏ quốc tịch, quốc tịch của con chưa thành niên, con nuôi theo pháp luật Việt Nam.	Khoa Luật
36	KL302	Luật hiến pháp 2	2	Nội dung môn học bao gồm các kiến thức pháp luật về tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trong đó sẽ bao gồm các nội dung về khái niệm, đặc điểm, cấu tạo, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước; về cách thức hình thành nên bộ máy nhà nước là bầu cử; về tổ chức và hoạt động của từng cơ quan nhà nước trong bộ máy nhà nước cùng với vị trí đứng đầu Nhà nước là Chủ tịch nước.	Khoa Luật



TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
37	KL210	Pháp luật về quy hoạch và giải phóng mặt bằng	2	Nội dung chính của học phần là tập trung phân tích các quy định của pháp luật hiện hành về quy hoạch xây dựng nói chung, qua đó, giúp người học tích lũy những kiến thức cơ bản, nền, về quy hoạch xây dựng. Bên cạnh đó, giúp người học hiểu rõ nguyên nhân, mục đích của việc thu hồi đất; trình tự, thủ tục thu hồi; các vấn đề về bồi thường đối với cây trồng, vật nuôi, công trình xây dựng, vật kiến trúc; các quy định về hỗ trợ, tái định cư. Từ đó giúp người học hiểu bao quát được vấn đề và có khả năng nghiên cứu, phân tích chuyên sâu từng chuyên đề cụ thể.	Khoa Luật
38	KL105	Luật so sánh	2	Nội dung môn học Luật so sánh mang lại cho sinh viên những kiến thức chung nhất, khái quát nhất về các dòng họ pháp luật cơ bản trên thế giới. Môn học này bao gồm hai nội dung chính: Khái quát chung về luật so sánh; Các dòng họ pháp luật cơ bản trên thế giới và một số chế định đặc thù của một số hệ thống pháp luật điển hình. Cụ thể như sau: (i) Khái niệm, sự hình thành và phát triển của luật học so sánh; (ii) Đối tượng và phương pháp nghiên cứu so sánh; (iii) Kỹ năng sử dụng phương pháp nghiên cứu so sánh; (iv) Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luật học so sánh; (v) Sự phân nhóm các hệ thống pháp luật cơ bản trên thế giới; Sự hình thành và phát triển của dòng họ pháp luật Châu Âu lục địa (Dòng họ civil law); Cấu trúc và nguồn luật của các hệ thống pháp luật thuộc dòng họ civil law; (vi) Một số hệ thống pháp luật thuộc dòng họ civil law; Sự hình thành và phát triển của dòng họ common law; (vii) Một số hệ thống pháp luật điển hình của dòng họ common law; (viii) Những vấn đề cơ bản về dòng họ pháp luật XHCN; (ix) Những vấn đề cơ bản về dòng họ pháp luật Hồi giáo.	Khoa Luật
39	KL115	Phương pháp nghiên cứu khoa học-Luật	2	Nội dung cơ bản của môn học gồm: Phần thứ nhất, giới thiệu về phương pháp phân tích, giải thích luật viết với các nội dung như khái niệm phương pháp nghiên cứu khoa học luật, nguồn luật và hệ thống văn bản quy phạm pháp luật ở Việt Nam, nguyên tắc phân tích, giải thích luật, vai trò, ý nghĩa của hoạt động nghiên cứu luật, cách thức chuẩn bị cho hoạt động nghiên cứu luật, các phương pháp phân tích và giải thích pháp luật, cách thức giải quyết mâu thuẫn, phương pháp bình luận bản án và giải quyết tình huống pháp lý. Phần thứ hai, giới thiệu về phương pháp thực hiện một công trình nghiên cứu khoa học luật gồm các nội dung như khái niệm, đặc trưng, ý nghĩa, phân loại công trình nghiên cứu luật, cách xây dựng và phát triển ý tưởng nghiên cứu, cách thức thực hiện và hoàn thành công trình nghiên cứu khoa học luật.	Khoa Luật
40	KL127	Luật hành chính	3	Học phần Luật hành chính cung cấp các kiến thức cơ bản nhất về hoạt động quản lý nhà nước. Với mục đích trên, nội dung chính của học phần Luật hành chính gồm các vấn đề sau: khái quát về quản lý nhà nước, các nguyên tắc, nội dung, hình thức quản lý nhà nước; quy phạm pháp luật hành chính và quan hệ pháp luật hành chính; chủ thể của Luật hành chính; quyết định hành chính và thủ tục hành chính; vi phạm hành chính và trách nhiệm hành chính; phòng, chống tham nhũng và những biện pháp đảm bảo pháp chế trong quản lý nhà nước.	Khoa Luật



TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
41	KL122	Luật hôn nhân và gia đình	2	<p>Hôn nhân và gia đình là đối tượng nghiên cứu của nhiều ngành khoa học trong đó có luật học. Cùng với nhiều môn học khác, Luật Hôn nhân và gia đình là một trong những môn học truyền thống mang tính bắt buộc trong chương trình đào tạo Cử nhân luật tại Việt Nam, môn khoa học pháp lý chuyên ngành nghiên cứu các vấn đề lý luận và pháp lý cơ bản về hệ thống pháp luật hôn nhân và gia đình.</p> <p>Là một môn khoa học có tính ứng dụng cao và gắn với cuộc sống của mỗi cá nhân trong đời sống xã hội, học Luật Hôn nhân và gia đình gồm hai phần chính: Phần lý luận giới thiệu lịch sử hình thành; các khái niệm cơ bản về hôn nhân và gia đình; nhiệm vụ và các nguyên tắc cơ bản của luật hôn nhân gia đình Việt Nam. Phần các chế định pháp lý cụ thể nghiên cứu về kết hôn và hủy kết hôn trái pháp luật; quan hệ vợ chồng; quan hệ cha mẹ và con; nghĩa vụ cấp dưỡng giữa các thành viên trong gia đình; chấm dứt hôn nhân và quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài.</p>	Khoa Luật
42	KL118	Luật hình sự phần chung	2	<p>Tổng quan kiến thức cho sinh viên với ba nhóm nội dung học phần: khái quát về ngành luật hình sự, tổng quan kiến thức cho sinh viên những vấn đề lý luận về tội phạm và tổng quan kiến thức về những vấn đề lý luận về hình phạt thông qua việc giới thiệu và phân tích quy định Phần Chung của Bộ luật hình sự; giúp sinh viên hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của ngành luật hình sự với những quy định Phần Chung của Bộ luật hình sự trong việc xác lập những vấn đề mang tính nền tảng nhằm hướng đến phục vụ giải quyết vấn đề trách nhiệm hình sự của chủ thể phạm tội.</p>	Khoa Luật
43	KL119	Luật hình sự phần riêng	2	<p>Giúp cho sinh viên có khả năng định tội một cách chính xác đối với bất kỳ tội phạm nào được quy định trong Bộ luật hình sự Việt Nam là mục tiêu chính yếu của môn học. Vì thế, trong môn này sẽ tập trung vào việc định tội danh và xác định khung hình phạt để giúp sinh viên có cái nhìn tổng quan, hiểu và nắm được tầm quan trọng của việc xác định tội danh chính xác. Qua đó, môn học cũng hướng dẫn sinh viên các bước của quy trình xác định tội danh nhằm tạo nền tảng cho sinh viên tinh tế trong kỹ năng phát hiện vấn đề và giải quyết vụ án. Sau đó môn học hướng sinh viên đến phần định tội đối với các tội phạm cụ thể được quy định trong Bộ luật hình sự.</p>	Khoa Luật
44	KL371	Luật tố tụng hình sự	2	<p>Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức chung về khái niệm, nhiệm vụ, các nguyên tắc cơ bản của tố tụng hình sự, quy định pháp luật về chủ thể, chứng cứ, các biện pháp ngăn chặn, về trình tự, thủ tục khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, một số vấn đề về thi hành án hình sự và thủ tục xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành; giúp sinh viên hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của từng giai đoạn tố tụng là nhằm góp phần ngăn ngừa tội phạm, phát hiện nhanh chóng và xử lý công minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội, không để lọt tội phạm và không làm oan chủ thể vô tội.</p>	Khoa Luật
45	KL231	Luật dân sự: Chủ thể, tài sản, quyền sở	2	<p>Học phần Luật dân sự: Chủ thể, tài sản, quyền sở hữu và quyền thừa kế cung cấp cho người học những hiểu biết căn bản về ngành luật dân sự. Cụ thể về các nội dung như: chủ thể của</p>	Khoa Luật



TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
		hữu và quyền thừa kế		quan hệ pháp luật dân sự, giám hộ, đại diện, tài sản, quyền sở hữu và quyền thừa kế. Học phần này sẽ được chia thành hai phần chính: thứ nhất là phần chung, thứ hai là phần: tài sản, quyền sở hữu và quyền thừa kế. Trong phần chung: sinh viên sẽ được giới thiệu những quy định có liên quan đến năng lực chủ thể, giám hộ và diện. Trong phần thứ hai: sinh viên sẽ được cung cấp những kiến thức pháp lý liên quan đến việc xác định tài sản theo pháp luật hiện hành, hiệu và xác định được quyền sở hữu cũng như các căn cứ hình thành quyền sở hữu. Cuối cùng là các quy định về quyền thừa kế như: xác định người thừa kế, di sản thừa kế, cách phân chia di sản thừa kế.	
46	KL133	Luật dân sự: Nghĩa vụ dân sự	2	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức pháp lý về nghĩa vụ bao gồm: Thứ nhất, giới thiệu khái niệm, tính chất và các yếu tố cấu thành quan hệ nghĩa vụ, các cách phân loại nghĩa vụ và lợi ích của việc phân loại. Thứ hai, phân tích các căn cứ xác lập nghĩa vụ như hợp đồng; hành vi pháp lý đơn phương; thực hiện công việc không có ủy quyền; chiếm hữu, sử dụng, được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật, gây thiệt hại do hành vi trái pháp luật. Thứ ba, hiểu biết về quá trình vận hành của nghĩa vụ qua việc thực hiện nghĩa vụ, chuyển giao nghĩa vụ và căn cứ chấm dứt nghĩa vụ. Học phần tập trung đề cập các nội dung về hợp đồng và trách nhiệm nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng là hai quan hệ nghĩa vụ phổ biến nhất trong đời sống dân sự.	Khoa Luật
47	KL375	Công pháp quốc tế	3	Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về hệ thống luật pháp quốc tế đương đại và các ngành luật tiêu biểu của nó. Chương trình học được chia làm hai phần: những vấn đề chung về Luật quốc tế và các ngành luật điển hình. Về phần kiến thức chung, chương khái quát cung cấp cho người học cái nhìn tổng quan về hệ thống luật pháp quốc tế cũng như sự hình thành và phát triển của nó. Chủ thể và các nguyên tắc cơ bản của hệ thống pháp luật này là hai nội dung trọng tâm của học phần. Về phần kiến thức chuyên ngành, ý thức được tầm quan trọng của điều ước quốc tế trong việc kiến tạo và phát triển các mối quan hệ quốc tế nên đây là bài đầu tiên của phần học này. Lãnh thổ, biên và đại dương đã trở thành tâm điểm trong chính sách đối ngoại của các quốc gia nên Luật về Lãnh thổ và Luật biển quốc tế đã được đưa vào chương trình giảng dạy. Ngoài ra, quan hệ ngoại giao thường trú là điểm nhấn của quan hệ quốc tế đương đại, vì vậy, Luật ngoại giao và lãnh sự được thiết kế nhằm cung cấp cho người học những hiểu biết cơ bản về các vấn đề này.	Khoa Luật
48	KL327	Luật đất đai	3	Nội dung chính của học phần tập trung công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai và chế độ sử dụng đất theo pháp luật đất đai Việt Nam hiện hành. Kiến thức nền cần được truyền đạt trước khi nghiên cứu về hai nội dung chính là lý luận chung về pháp luật đất đai (cụ thể như tầm quan trọng của đất đai, vấn đề sở hữu đất đai, quan hệ pháp luật đất đai và lịch sử phát triển pháp luật đất đai qua các thời kỳ). Trong nội dung quản lý nhà nước về đất đai, làm rõ tổ chức hệ thống cơ quan quản lý đất đai và vai trò của từng cơ quan; truyền đạt và phân tích quy định	Khoa Luật



TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				về hoạt động quy hoạch sử dụng đất, phân phối đất đai... Trong nội dung chế độ sử dụng đất làm rõ quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất, đặc biệt là các giao dịch về quyền sử dụng đất và nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; cuối cùng là pháp luật về giải quyết tranh chấp và khiếu nại, khiếu kiện trong lĩnh vực đất đai.	
49	KL213	Luật môi trường	3	<p>Môn học sẽ cung cấp vấn đề pháp lý của Việt Nam liên quan đến những khái niệm, sự phát triển của Luật môi trường, hệ thống cơ quan quản lý đối với môi trường, và các chế định cơ bản trong Luật môi trường như tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường, quy hoạch bảo vệ môi trường, báo cáo dự đoán tác động đối với môi trường, quản lý chất thải, cũng như các quy định về bảo vệ thành phần môi trường và tài nguyên thiên nhiên như: đất, nước, không khí, khoáng sản, thủy sản và rừng.</p> <p>Ngoài những vấn đề được nghiên cứu ở phần nội dung cơ bản, luật pháp quốc tế và pháp luật quốc gia cũng có quy định khác liên quan đến việc bảo vệ môi trường sinh thái, cụ thể như: Pháp luật về ứng phó biến đổi khí hậu; pháp luật bảo vệ môi trường biển; pháp luật bảo vệ di sản văn hoá; và pháp luật bảo vệ môi trường trong hoạt động kinh tế, pháp luật về vận chuyển chất thải xuyên biên giới, pháp luật về đa dạng sinh học, pháp luật về động vật hoang dã, nguy cấp, quý hiếm, ....</p>	Khoa Luật
50	KL116	Thuật ngữ pháp lý - Tiếng Anh	2	<p>Học phần Thuật ngữ pháp lý – tiếng Anh cung cấp kiến thức về các thuật ngữ pháp lý căn bản bằng tiếng Anh, tạo tiền đề cho người học có thể tự tìm hiểu về pháp luật nước ngoài (được viết bằng tiếng Anh) và có thể tự tin sử dụng đúng thuật ngữ pháp lý để giới thiệu về hệ thống pháp luật Việt Nam với bạn bè quốc tế. Học phần được kết cấu đan xen hai nội dung:</p> <p>(i) giới thiệu hệ thống pháp luật Việt Nam bằng tiếng Anh và (ii) giới thiệu hệ thống pháp luật một nước khác bằng tiếng Anh. Việc đan xen này giúp người học biết cách trình bày về hệ thống pháp luật Việt Nam bằng tiếng Anh, đồng thời tiếp cận được cách trình bày bằng tiếng Anh chuyên ngành về hệ thống pháp luật của một quốc gia nói tiếng Anh. Từ đó, người học đối chiếu và có thể sử dụng các thuật ngữ pháp lý phù hợp để giới thiệu về pháp luật Việt Nam.</p>	Khoa Luật
51	KL117	Thuật ngữ pháp lý – tiếng Pháp	2	<p>Học phần Thuật ngữ pháp lý – tiếng Pháp cung cấp kiến thức về các thuật ngữ pháp lý căn bản bằng tiếng Pháp, tạo tiền đề cho người học có thể tự tìm hiểu về pháp luật nước ngoài (được viết bằng tiếng Pháp) và có thể tự tin sử dụng đúng thuật ngữ pháp lý để giới thiệu về hệ thống pháp luật Việt Nam với bạn bè quốc tế. Học phần được kết cấu đan xen hai nội dung: (i) giới thiệu hệ thống pháp luật Việt Nam bằng tiếng Pháp và (ii) giới thiệu hệ thống pháp luật một nước khác bằng tiếng Pháp. Việc đan xen này giúp người học biết cách trình bày về hệ thống pháp luật nước ta bằng tiếng Pháp, đồng thời học được cách trình bày bằng tiếng Pháp chuyên ngành về hệ thống pháp luật của một quốc gia nói tiếng Pháp. Từ đó, đối chiếu để có thể áp dụng các thuật ngữ pháp lý chính xác để giới thiệu về pháp luật Việt Nam.</p>	Khoa Luật
52	KL214	Pháp luật về	3	Môn học này cung cấp cho sinh viên kiến thức pháp lý cơ	Khoa Luật



TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
		thương nhân		bản về các loại thương nhân. Môn học giúp sinh viên hiểu và nắm vững những vấn đề về thành lập, giải thể, về đặc điểm, cơ cấu tổ chức các loại hình doanh nghiệp như Công ty Trách nhiệm hữu hạn (một thành viên và hai thành viên trở lên), Công ty cổ phần, Công ty hợp danh, Doanh nghiệp tư nhân, về Hợp tác xã, về Hộ kinh doanh. Bên cạnh đó, những vấn đề về vốn, tài chính và giao dịch nội bộ trong các loại hình doanh nghiệp cũng được làm sáng tỏ. Trên cơ sở đó, sinh viên có khả năng phân tích, tổng hợp, đánh giá những quy định pháp luật về các loại thương nhân, và vận dụng những kiến thức có được vào thực tiễn.	
53	KL215	Luật thương mại	3	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cụ thể về các hoạt động thương mại như hoạt động mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, khuyến mại, quảng cáo, đấu giá, đấu thầu, logistic, nhượng quyền thương mại... quyền và nghĩa vụ của thương nhân khi thực hiện các hoạt động thương mại này. Đồng thời trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về hợp đồng thương mại cũng như các biện pháp chế tài trong hoạt động thương mại để đảm bảo quyền lợi của các bên giao kết hợp đồng. Đây là những kiến thức nền tảng quan trọng để sinh viên có thể vận dụng tư vấn cho các chủ thể kinh doanh khi thực hiện các hoạt động thương mại hoặc khi xảy ra tranh chấp hợp đồng.	Khoa Luật
54	KL230	Luật tố tụng thương mại và phá sản	3	Môn học này cung cấp cho sinh viên kiến thức pháp lý cơ bản về các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại và thủ tục phá sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã. Môn học giúp sinh viên hiểu và nắm vững quy trình cũng như những ưu nhược điểm của việc giải quyết tranh chấp bằng thương lượng, hòa giải, trọng tài thương mại hay tòa án. Bên cạnh đó, sinh viên cũng được trang bị những nội dung liên quan đến pháp luật về phá sản doanh nghiệp hợp tác xã như xác định một doanh nghiệp, hợp tác xã bị xem là mất khả năng thanh toán, trình tự giải quyết phá sản và thứ tự phân chia tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã..... Trên cơ sở đó, sinh viên có khả năng phân tích, tổng hợp, đánh giá những quy định pháp luật về các nội dung trên và vận dụng những kiến thức có được vào thực tiễn.	Khoa Luật
55	KL384	Luật về kinh doanh bất động sản	2	doanh bất động sản và kinh doanh dịch vụ bất động sản. Môn học tập trung chủ yếu nội dung quy định pháp luật như: các nguyên tắc kinh doanh bất động sản, quyền và nghĩa vụ các bên trong hoạt động kinh doanh bất động sản trong các lĩnh vực kinh doanh nhà và công trình xây dựng, kinh doanh quyền sử dụng đất, kinh doanh dịch vụ bất động sản. Môn học cung cấp kiến thức quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh bất động sản.	Khoa Luật
56	KL331	Tư pháp quốc tế 1	2	Người học sẽ được trang bị những kiến thức và các kỹ năng ở mức độ chi tiết về các khía cạnh pháp lý cũng như kỹ năng nghiệp vụ liên quan đến các quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài như: xác định quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài; xác định thẩm quyền xét xử của tòa án đối với vụ việc mang tính chất dân sự có yếu tố nước ngoài; xác định pháp luật áp dụng để điều chỉnh quan hệ mang tính chất dân sự có yếu tố nước	Khoa Luật



TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				ngoài.	
57	KL332	Tư pháp quốc tế 2	2	Người học được trang bị kiến thức và kỹ năng ở mức độ chi tiết về các khía cạnh pháp lý cũng như kỹ năng nghiệp vụ liên quan đến các vấn đề tố tụng đối với các vụ việc mang tính chất dân sự có yếu tố nước ngoài; địa vị pháp lý của các chủ thể trong quan hệ mang tính chất dân sự có yếu tố nước ngoài. Ngoài ra, người học còn được trang bị kiến thức pháp luật về vấn đề quyền sở hữu, lao động, hôn nhân gia đình, thừa kế... có yếu tố nước ngoài. Trên cơ sở đó, người học sẽ có thể vận dụng các kiến thức đã học phục vụ cho công tác sau khi ra trường.	Khoa Luật
58	KL232	Luật thương mại quốc tế	3	Người học được trang bị những kiến thức và các kỹ năng về các khía cạnh pháp lý cũng như kỹ năng nghiệp vụ liên quan đến các hoạt động trong thương mại quốc tế như giải quyết tranh chấp trong thương mại quốc tế, ứng dụng kiến thức và nội dung của pháp luật quốc gia, Điều ước quốc tế, tập quán quốc tế để thành lập, hoàn thiện hợp đồng trong thương mại quốc tế. Người học còn được trang bị kiến thức pháp luật về thanh toán quốc tế, vận tải quốc tế. Trên cơ sở đó, người học sẽ có thể vận dụng các kiến thức đã học phục vụ cho công tác sau khi ra trường.	Khoa Luật
59	KL393	Pháp luật về đầu tư	2	Thứ nhất, Môn học chứa đựng nội dung khái quát về luật đầu tư. Các hình thức đầu tư được trình bày thành từng phần riêng biệt. Thứ hai, Để thu hút đầu tư, môn học còn trình bày các biện pháp các biện pháp đảm bảo, ưu đãi hỗ trợ đầu tư. Cuối cùng, nghiên cứu đến vấn đề giải quyết tranh chấp đầu tư luôn phức tạp vì tồn tại trong đó cơ quan công quyền.	Khoa Luật
60	KL322	Luật lao động 1	2	Trang bị các kiến thức về quan hệ xã hội thuộc luật lao động điều chỉnh; quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ lao động; những nội dung liên quan đến quan hệ học nghề; quan hệ việc làm; những quy định liên quan đối thoại tại nơi làm việc, thương lượng tập thể và thỏa ước lao động tập thể; quy định về thử việc, giao kết, thực hiện, thay đổi, tạm hoãn, chấm dứt và giải quyết hậu quả khi chấm dứt hợp đồng lao động; các quy định về thời giờ làm việc thời giờ nghỉ ngơi, giải quyết được quyền lợi cho các bên liên quan đến thời giờ làm việc thời giờ nghỉ ngơi; những nội dung liên quan đến việc xây dựng thang lương bảng lương cũng như tính toán tiền lương cho người lao động.	Khoa Luật
61	KL218	Luật lao động 2	2	Sinh viên hiểu và vận dụng xử lý được các tình huống về kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất. Bên cạnh đó, sẽ có kỹ năng xây dựng nội quy lao động, tổ chức cuộc họp xử lý kỷ luật và làm các biên bản, quyết định xử lý. Người học hiểu và phân tích các quy định về an toàn lao động vệ sinh lao động. Sinh viên sẽ nắm vững những quy định về địa vị pháp lý của tổ chức Công đoàn trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động. Ngoài ra, sinh viên còn tìm hiểu quy định và thực trạng về người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam; thực trạng về hoạt động cho thuê lại lao động; tranh chấp lao động và đình công. Sau cùng, là tìm hiểu các quy định về các lao động đặc thù và đánh giá quy định pháp luật và mối quan hệ	Khoa Luật



TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				giữa quan hệ lao động và quan hệ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế; Bảo hiểm thất nghiệp.	
62	KL228	Luật ngân sách nhà nước	2	Nội dung môn học : Giới thiệu khái quát về tài chính và luật tài chính trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Giới thiệu Ngân sách nhà nước như là kết quả cuối cùng trong các mối quan hệ tài chính thuộc khâu tài chính nhà nước, luật Ngân sách nhà nước là phần cốt lõi của ngành luật tài chính nhà nước. Những nội dung chủ yếu bao gồm như khái niệm, vai trò của ngân sách nhà nước, chế độ pháp lý về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước và vấn đề quản lý quỹ ngân sách nhà nước. Giới thiệu chu trình ngân sách nhà nước, bao gồm những nội dung của pháp luật liên quan đến lập dự toán ngân sách nhà nước, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước. Giới thiệu về pháp luật thu-chi ngân sách nhà nước, cụ thể: nêu khái niệm pháp luật về thu-chi ngân sách nhà nước, chế độ pháp lý về các khoản thu chi ngân sách nhà nước.	Khoa Luật
63	KL219	Luật thuế	3	Người học sẽ được học phần lý thuyết chung về pháp luật thuế. Trong đó, các nội dung về người nộp thuế, đối tượng chịu thuế, không chịu thuế, căn cứ tính thuế, các trường hợp miễn thuế, giảm thuế, quản lý nhà nước về thuế, nguyên tắc xây dựng pháp luật thuế sẽ được nghiên cứu làm nền tảng cho việc học từng loại thuế riêng biệt. Người học sẽ học các loại thuế thu nhập, thuế tiêu dùng và thuế tài sản trong hệ thống pháp luật Việt Nam và nghiên cứu về hành vi vi phạm và xử lý vi phạm pháp luật thuế.	Khoa Luật
64	KL388	Luật ngân hàng	2	Người học được trang bị các kiến thức cơ bản về pháp luật điều chỉnh lĩnh vực ngân hàng như hiệu và phân tích được địa vị pháp lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; hiểu, phân biệt và phân tích địa vị pháp lý của các tổ chức tổ chức tín dụng, hoạt động huy động vốn của tổ chức tín dụng, hoạt động cấp tín dụng, hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản. Sau khi hoàn thành học phần, người học có thể nhận diện, phân tích quy định pháp luật có liên quan và ứng dụng để thực hành các hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng.	Khoa Luật
65	KL335	Pháp luật về sở hữu trí tuệ	2	Học phần bao gồm các nội dung sau: Giới thiệu về lịch sử các công ước quốc tế có liên quan đến sở hữu trí tuệ và lịch sử phát triển các quy định về sở hữu trí tuệ ở Việt Nam hiện nay; làm rõ bản chất và vai trò của việc bảo hộ sở hữu trí tuệ đối với sự phát triển của khoa học, công nghệ, văn hóa, giáo dục; Hướng dẫn xác định chủ thể, đối tượng và nội dung của các quyền sở hữu trí tuệ và cách thức phát sinh, xác lập các quyền đó trên cơ sở luật pháp quốc gia và quốc tế. Môn học giúp nhận biết các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ điển hình và các chế tài tương ứng cho các hành vi đó, đồng thời giúp người học nhận thức được những thực trạng mới về khoa học kỹ thuật có liên quan đến việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.	Khoa Luật
66	KL235	Pháp luật về cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	3	Môn học này cung cấp cho sinh viên kiến thức pháp lý cơ bản về pháp luật cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Môn học giúp sinh viên hiểu và nắm vững quy định pháp luật về các hành vi hạn chế cạnh tranh như thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, lạm dụng vị thế độc quyền, hành vi tập trung kinh tế, những hành vi cạnh	Khoa Luật



TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				tranh không lành mạnh, quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng cũng như những biện pháp xử lý các hành vi vi phạm pháp luật cạnh tranh và cơ chế để bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Trên cơ sở đó, sinh viên có khả năng phân tích, tổng hợp, đánh giá những quy định pháp luật, nhận biết được ranh giới giữa hành vi vi phạm pháp luật cạnh tranh và hành vi không vi phạm. Từ đó, sinh viên có thể vận dụng những kiến thức có được vào thực tiễn. Mặt khác, những vấn đề về tố tụng liên quan đến các hành vi vi phạm pháp luật cạnh tranh cũng như vi phạm quyền lợi người tiêu dùng cũng được đề cập nhằm giúp học viên có được hiểu biết cơ bản về chế tài, cơ quan có thẩm quyền xử lý và trình tự thủ tục xử lý các vụ việc cạnh tranh cũng như các vụ việc vi phạm quyền lợi của người tiêu dùng.	
67	KL396	Pháp luật về thương mại điện tử	2	Môn học trang bị cho học viên kiến thức cơ bản về những vấn đề đặc trưng của thương mại điện tử như: đặc điểm của thương mại điện tử, vai trò của thương mại điện tử, xác lập hợp đồng qua mạng, chữ ký điện tử, thực hiện hợp đồng (giao hàng, cung ứng dịch vụ), thanh toán, giải quyết tranh chấp.	Khoa Luật
68	KL374	Luật tố tụng dân sự	2	Luật tố tụng dân sự (Luật hình thức) là môn học cơ bản của chương trình đào tạo luật học, đây là học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng trong việc vận dụng các quy định của pháp luật nội dung để bảo vệ lợi ích hợp pháp cho mình, cho người khác, cho tập thể và nhà nước... khi lợi ích đó bị xâm phạm. Môn học cung cấp cho người học những kiến thức tổng quát về Luật tố tụng dân sự theo chuyên đề như: Nhận thức chung nhất về vụ việc dân sự, các nguyên tắc cơ bản của Luật tố tụng dân sự; Chủ thể của quan hệ pháp luật tố tụng dân sự; Thẩm quyền của Tòa án trong việc giải quyết các vụ việc dân sự; Chứng cứ và chứng minh trong tố tụng dân sự; Án phí, lệ phí trong tố tụng dân sự; Trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc dân sự; tương trợ tư pháp trong tố tụng dân sự; thi hành án dân sự.	Khoa Luật
69	KL391E	Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán	2	Học phần sẽ trang bị cho học viên các kiến thức cơ sở về chứng khoán và thị trường chứng khoán như quy định về các loại chứng khoán trên thị trường chứng khoán; về việc chào bán chứng khoán ra công chúng, niêm yết, giao dịch, kinh doanh, đầu tư chứng khoán, dịch vụ về chứng khoán và thị trường chứng khoán của các chủ thể tham gia thị trường chứng khoán; nguyên tắc giao dịch, hoạt động của thị trường chứng khoán, quản lý nhà nước về thị trường chứng khoán; các hành vi bị cấm và xử lý vi phạm pháp luật trên thị trường chứng khoán. Bên cạnh đó, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của một số nước khác sẽ được nghiên cứu so sánh với pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán hiện hành của Việt Nam.	Khoa Luật
70	KL392E	Pháp luật về hoạt động xuất nhập khẩu	2	Sinh viên nên học môn học này khi đang học song song các môn như: Luật Công pháp quốc tế, Luật Tư pháp quốc tế, Luật Thương mại quốc tế để đảm bảo rằng có những kiến thức cơ bản có thể hỗ trợ cho nhau như: các khái niệm cơ bản của Luật quốc tế, các nguyên tắc trong luật quốc tế, đặc biệt là các quy định trong Incoterms và các phương thức thanh toán trong thương mại quốc tế... Môn Pháp luật về hoạt động xuất nhập khẩu cung cấp những kiến thức cơ bản về hoạt động xuất nhập	Khoa Luật



TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				khẩu, pháp luật về xuất nhập khẩu nói chung và những quy trình, thủ tục có liên quan khi tiến hành các hoạt động xuất nhập khẩu. Môn học có thể trang bị những kiến thức nền tảng, cơ bản cho học viên để có thể ứng dụng vào thực tế.	
71	KL427	Pháp luật về hợp đồng trong thương mại	2	Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức chung về hợp đồng và các loại hợp đồng trong hoạt động kinh doanh bao gồm: Khái quát chung về hợp đồng trong kinh doanh, phân loại hợp đồng trong kinh doanh, các nguyên tắc giao kết và thực hiện hợp đồng trong kinh doanh, chủ thể và thẩm quyền giao kết hợp đồng trong hoạt động kinh doanh, quyền và nghĩa vụ các bên trong quá trình thực hiện và giải quyết tranh chấp hợp đồng trong kinh doanh trong các loại hợp đồng cụ thể.	Khoa Luật
72	KL428E	Pháp luật về kinh doanh bảo hiểm	2	Pháp luật về kinh doanh bảo hiểm cung cấp các kiến thức pháp luật về hoạt động kinh doanh bảo hiểm bao gồm các nội dung cơ bản sau: Lý luận chung về pháp luật kinh doanh bảo hiểm; Địa vị pháp lý của các chủ thể thực hiện hoạt động kinh doanh bảo hiểm: Doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm; doanh nghiệp môi giới bảo hiểm; đại lý bảo hiểm; Quy chế pháp lý về hợp đồng trong kinh doanh bảo hiểm. Quy định của pháp luật về hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm dân sự, hợp đồng bảo hiểm tài sản và hợp đồng bảo hiểm con người. Bên cạnh đó, hợp đồng bảo hiểm vận chuyển hàng hóa trong hoạt động xuất nhập khẩu; Quản lý nhà nước về kinh doanh bảo hiểm.	Khoa Luật
73	KL406	Thực hành nghề Luật	2	Nội dung môn học giới thiệu quá trình phát triển của hoạt động giáo dục pháp luật thực hành; Thảo luận về yêu cầu và vai trò quan trọng của hoạt động thực hành nghề luật; Trình bày khái quát những nội dung và phương pháp được sử dụng trong từng hoạt động thực hành được áp dụng trong môn học; Thực hiện hoạt động liên quan đến thực hành Giảng dạy pháp luật cho cộng đồng: thảo luận về các phương pháp giảng dạy pháp luật cộng đồng, thảo luận về cách tiếp cận và thiết lập quan hệ với cộng đồng, giao nhiệm vụ thực hiện giảng dạy cụ thể trên thực tế; Thực hiện các hoạt động liên quan đến thực hành tư vấn và hỗ trợ pháp lý gồm: về đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp và phỏng vấn khách hàng, kỹ năng nghiên cứu hồ sơ, kỹ năng quản lý và lưu trữ hồ sơ, kỹ năng tư vấn và giải quyết vấn đề pháp lý.	Khoa Luật
74	KL217	Luật thương mại quốc tế công	2	Luật thương mại quốc tế công cung cấp kiến thức hội nhập kinh tế quốc tế cho sinh viên thông qua hệ thống các văn bản pháp lý quốc tế trong hệ thống thương mại đa phương GATT/WTO. Tổ chức WTO - một thiết chế thương mại lớn nhất trên thế giới, chi phối trực tiếp đến chính sách thương mại quốc tế của các quốc gia thành viên, trong đó có Việt Nam. Nội dung định hướng nghiên cứu bao gồm: Mục tiêu, vai trò, chức năng và các nguyên tắc cơ bản của Luật WTO; Tìm hiểu sâu về thương mại hàng hóa; thương mại dịch vụ; thương mại liên quan đến sở hữu trí tuệ; Các biện pháp phòng vệ thương mại và các phương thức giải quyết tranh trong khuôn khổ WTO.	Khoa Luật
75	KL236	Pháp luật khiếu nại, khiếu kiện	2	Môn học hướng tới mục tiêu trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất và thiết thực nhất về pháp luật khiếu nại, pháp luật khiếu kiện hành chính hiện hành. Qua nghiên cứu môn	Khoa Luật



TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				học này, sinh viên sẽ nắm vững trình tự thủ tục khiếu nại, trình tự thủ tục giải quyết khiếu nại, thẩm quyền giải quyết khiếu nại. Bên cạnh đó, sinh viên cũng nắm vững quy định pháp luật hiện hành về đối tượng thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa hành chính, thẩm quyền của Tòa hành chính trong giải quyết các vụ án hành chính, các nguyên tắc của Luật tố tụng hành chính...	
76	KL221	Kỹ thuật soạn thảo hợp đồng thương mại	2	Môn học trang bị cho sinh viên nắm vững các kỹ thuật soạn thảo các loại hợp đồng thương mại; nắm vững kỹ năng rà soát, xem xét các loại hợp đồng thương mại phổ biến trong hoạt động thương mại của các chủ thể kinh doanh. Đồng thời môn học cũng hệ thống lại những kiến thức chung về hợp đồng và các loại hợp đồng trong hoạt động thương mại bao gồm: Khái quát chung về hợp đồng trong thương mại, phân loại hợp đồng trong thương mại, các nguyên tắc giao kết và thực hiện hợp đồng trong thương mại, chủ thể và thẩm quyền giao kết hợp đồng trong hoạt động thương mại, quyền và nghĩa vụ các bên trong quá trình thực hiện và giải quyết tranh chấp hợp đồng trong thương mại trong các loại hợp đồng cụ thể. Nội dung này là cơ sở giúp sinh viên thực hiện tốt kỹ thuật soạn thảo hợp đồng thương mại.	Khoa Luật
77	KL370	Luận văn tốt nghiệp - Luật	10	Sinh viên thực hiện luận văn theo yêu cầu và hướng dẫn của Khoa, của người hướng dẫn khoa học và bảo vệ kết quả nghiên cứu trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp theo kế hoạch chung của Trường, của Khoa. Sinh viên sẽ được hướng dẫn trong Kế hoạch thực hiện luận văn được thông báo theo từng học kỳ. Cách thức trình bày luận văn theo hướng dẫn của Khoa theo đường dẫn: <a href="http://sl.ctu.edu.vn/?params=dao-tao-chinh-quy/bieu-mau/huong-dan-cach-trinh-bay-luan-van-tot-nghiep/n1895#.WV8TnjOB2t8">http://sl.ctu.edu.vn/?params=dao-tao-chinh-quy/bieu-mau/huong-dan-cach-trinh-bay-luan-van-tot-nghiep/n1895#.WV8TnjOB2t8</a> .	Khoa Luật
78	KL411	Tiểu luận tốt nghiệp - Luật	4	Sinh viên thực hiện tiểu luận theo yêu cầu và hướng dẫn của Khoa, của người hướng dẫn khoa học. Sinh viên sẽ được hướng dẫn trong Kế hoạch thực hiện luận văn, tiểu luận được thông báo theo từng học kỳ. Cách thức trình bày thực hiện theo hướng dẫn của Khoa theo đường dẫn: <a href="http://sl.ctu.edu.vn/?params=dao-tao-chinh-quy/bieu-mau/huong-dan-cach-trinh-bay-luan-van-tot-nghiep/n1895#.WV8TnjOB2t8">http://sl.ctu.edu.vn/?params=dao-tao-chinh-quy/bieu-mau/huong-dan-cach-trinh-bay-luan-van-tot-nghiep/n1895#.WV8TnjOB2t8</a> .	Khoa Luật
79	KL424	Luật thương mại chuyên sâu	4	Môn học được thiết kế thành các chuyên đề có nội dung bao quát các khía cạnh pháp lý thương mại như chủ thể thực hiện hoạt động thương mại, các hoạt động thương mại phổ biến trên thị trường, giáo viên sẽ củng cố khối kiến thức lý thuyết. từ kiến thức về luật nội dung sinh viên sẽ phải xác định luật điều chỉnh và lập luận bảo vệ quan điểm giải quyết các tranh chấp thực tế trong đời sống thông qua việc giải quyết các tranh chấp cụ thể do giáo viên đặt ra. Bên cạnh đó đối với chuyên đề về tố tụng trong giải quyết tranh chấp thương mại mà trọng tâm là bước hòa giải trong và ngoài tố tụng sinh viên sẽ được yêu cầu áp dụng quy định về luật hình thức đã học để thực hành giải quyết một số tranh chấp thực tế sao cho phù hợp quy định pháp luật. Nội dung chuyên đề về phá sản sẽ tạo điều kiện để sinh viên đưa ra nhận định về các quy định của pháp luật liên quan. Cuối cùng là nội dung so sánh giữa luật thương mại trong nước với luật thương mại quốc tế điều chỉnh các khía cạnh liên quan để sinh viên có kiến thức chuyên sâu và cái	Khoa Luật



TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				nhìn đa chiều về cũng một vấn đề. Từ đó sinh viên có thể đề xuất ý kiến để hoàn thiện pháp luật thương mại trong nước để phù hợp thông lệ quốc tế.	
80	KL344E	Bảo đảm nghĩa vụ	2	Học phần Bảo đảm nghĩa vụ cung cấp cho sinh viên các nội dung kiến thức sau đây: Một là, giới thiệu về khái niệm, đặc điểm, vai trò của biện pháp thực hiện nghĩa vụ trong luật dân sự Việt Nam; khái quát chung về các loại biện pháp bảo đảm nghĩa vụ hiện có trong luật Việt Nam cũng như cách thức phân loại các biện pháp bảo đảm này; giới thiệu sơ lược quá trình phát triển của pháp luật về bảo đảm nghĩa vụ ở Việt Nam. Hai là, giới thiệu biện pháp bảo đảm đối nhân và bảo đảm đối vật phổ biến trong luật Việt Nam như bảo lãnh, cầm cố tài sản, thế chấp tài sản về chủ thể, đối tượng, hình thức, đăng ký, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể, biện pháp xử lý tài sản bảo đảm và thứ tự ưu tiên thanh toán khi xử lý tài sản bảo đảm. Ba là, phân tích, đánh giá, phân biệt các biện pháp bảo đảm nghĩa vụ cụ thể như cầm cố tài sản tại cửa hàng cầm đồ, thế chấp quyền sử dụng đất, đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, thế chấp tài sản hình thành trong tương lai...	Khoa Luật
81	KL425E	Pháp luật về các hiệp định thương mại	2	Môn học cung cấp những kiến thức pháp lý cơ bản về hiệp định thương mại tự do. Ngoài ra, môn học còn truyền tải đến người học quá trình đàm phán các hiệp định thương mại tự do của Việt Nam cũng như phân tích một số Hiệp định điển hình có liên quan đến nước ta.	Khoa Luật
82	KL431	Thực tập tốt nghiệp (**)	2	Sinh viên thực tập tại một trong các đơn vị như: Tòa án, Viện kiểm sát, các cơ quan hành chính, các doanh nghiệp, Văn phòng Luật sư, Văn phòng công chứng, Thừa phát lại ... Thông qua việc thực tập tại các cơ quan, tổ chức trên, sinh viên được học hỏi thêm kiến thức từ công tác thực tiễn và khả năng vận dụng các kiến thức đã có để giải quyết các vấn đề cụ thể trong thực tiễn áp dụng pháp luật. Đồng thời, thực tập tốt nghiệp còn là cơ hội để sinh viên rèn luyện các kỹ năng mềm như làm việc nhóm, sử dụng tin học văn phòng, văn hóa ứng xử công sở.	Khoa Luật
83	KL395E	Luật thuế quốc tế	2	Học phần sẽ cung cấp các nội dung liên quan đến thuế trên bình diện quốc tế như nội dung các hiệp định tránh đánh thuế trùng; vấn đề về chuyên giá; vấn đề về thuế quan trong các thỏa thuận quốc tế cơ bản như WTO; vấn đề hợp tác để chống trốn thuế.	Khoa Luật
84	KL199	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2	Soạn thảo văn bản pháp luật (gọi đầy đủ là soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật) là hoạt động rất quan trọng diễn ra hàng ngày trong các cơ quan nhà nước, đặc biệt là trong hệ thống cơ quan quyền lực nhà nước và cơ quan hành chính nhà nước. Môn học Soạn thảo văn bản pháp luật hướng tới mục tiêu trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về các loại văn bản quy phạm pháp luật, về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản văn bản quy phạm pháp luật, về thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật, hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật, trình tự thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của pháp luật hiện hành.	Khoa Luật



TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
85	KL234E	Pháp luật về kinh doanh dịch vụ Logistics	2	Học phần cung cấp kiến thức tổng quát về loại hình dịch vụ logistics thông qua việc phân tích khái niệm, đặc điểm của dịch vụ này. Học phần cũng giới thiệu các nghiệp vụ cụ thể mà thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics có thể thực hiện riêng lẻ hoặc tạo thành một chuỗi các công việc khép kín của chu trình lưu thông thông hàng hóa. Mối quan hệ giữa logistics với các khâu khác trong dòng lưu thông của hàng hóa cũng được làm rõ để người học thấy được tầm quan trọng của logistics trong quá trình phân phối hàng hóa từ nhà sản xuất đến người tiêu dùng. Trọng tâm của học phần là trang bị cho người học kiến thức pháp lý liên quan đến thành lập và hoạt động của thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics theo từng nghiệp vụ cụ thể như dịch vụ vận tải, dịch vụ kho bãi, dịch vụ chuyên phát.	Khoa Luật
86	KL397	Nghiệp vụ tòa án	2	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức chung về cơ cấu tổ chức và nguyên tắc hoạt động của Tòa án, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và nội dung hoạt động của Tòa án. Đồng thời, nội dung cơ bản của học phần tập trung nhấn mạnh những kỹ năng, nghiệp vụ của Thư ký Tòa án trong các vụ án hình sự, hành chính và dân sự tạo điều kiện hỗ trợ công việc sau này.	Khoa Luật
87	KL380E	Luật an sinh xã hội	2	Các quy định về an sinh xã hội đã xuất hiện từ rất lâu ở nước ta, nhưng lý luận về khoa học pháp lý trong lĩnh vực này chỉ mới được chú trọng trong những năm gần đây. Trong nền kinh tế thị trường phát triển thì vấn đề an sinh xã hội trở nên rất quan trọng. An sinh xã hội là hệ thống chính sách nhiều tầng để tất cả thành viên trong xã hội đều được tương trợ, giúp đỡ ở mức độ hợp lý khi bị giảm, mất thu nhập. Môn học hướng tới mục tiêu trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất và thiết thực nhất về an sinh xã hội như: đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, và các nguyên tắc cơ bản của ngành luật an sinh xã hội; đồng thời trang bị cho sinh viên kiến thức pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, và về chế độ, chính sách về bảo trợ xã hội hiện hành.	Khoa Luật
88	KL198	Đạo đức nghề luật	2	Với triết lý “rèn tâm thiện, luyện trí minh” để hướng đến giá trị cốt lõi trong đào tạo luật, học phần bao gồm những kiến thức cơ bản và những hoạt động thực hành đa dạng cho sinh viên trải nghiệm việc vận dụng các quy tắc đạo đức vào các lĩnh vực thực hành luật. Từ đó, sinh viên thông qua học phần có thể cảm nhận được giá trị và tầm quan trọng của việc tuân thủ các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.	Khoa Luật

Đề cương chi tiết các học phần được đính kèm ở phần Phụ lục.

#### 4. Phương pháp giảng dạy và học tập

- Phương pháp diễn giảng (Lecturing);
- Phương pháp dạy học thông qua thảo luận (Teaching through discussion);
- Dạy học theo nhóm (Group-based learning);
- Phương pháp học qua tình huống (Case study);



- Phương pháp thực hành nghề luật (CLE);
- Phương pháp nghiên cứu luật so sánh;
- Phương pháp phiên tòa giả định (moot court).

#### 5. Phương pháp đánh giá

- Kiểm tra viết;
- Kiểm tra trắc nghiệm;
- Đánh giá thông qua thuyết trình;
- Đánh giá thông qua làm việc nhóm;
- Bảo vệ và vấn đáp;
- Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

Cần Thơ, ngày 16 tháng 3 năm 2023  
TRƯỞNG BỘ MÔN

TL. HIỆU TRƯỞNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ  
TRƯỞNG KHOA



Phan Trung Hiến

Cao Nhất Linh